

Quả Dự Lưu - Trích dẫn kinh điển

Tỳ-khưu Thanissaro - Bình Anson biên dịch

Nguyên tác: "Stream Entry - A Study Guide", Bhikkhu Thanissaro,

Access to Insight website, www.accesstoinsight.org

Tham khảo: Đại tạng kinh Việt Nam, Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt.

Mục lục Phần 1

Dẫn nhập

- 1. Thân cận bậc Chân nhân
- 2. Biết nghe Diệu pháp
- 3. Như lý tác ý
- 4. Thực hành pháp

Kết luận

-ooOoo-

Dẫn nhập

Thân cận bậc Chân nhân là Dự lưu phần.

Nghe diệu pháp là Dự lưu phần.

Như lý tác ý là Dự lưu phần.

Thực hành pháp và tùy pháp là Dự lưu phần.

[Tương Ưng 55.11]

Dự lưu là quả vị đầu tiên của bốn quả vị thánh giải thoát (Dự lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán). Danh từ "Dự lưu" có nghĩa là nhập dòng, để chỉ một người đã nhập dòng thánh giải thoát chắc chắn đưa đến Niết-bàn. Vị đó sẽ hoàn toàn giác ngộ, chậm nhất là trong bảy kiếp sống, và trong các kiếp đó sẽ không bao giờ tái sinh tại các đọa xứ (thú vật, địa ngục, ngạ quỷ, a-tu-la).

Các đoạn kinh trích dẫn ở đây được sắp xếp theo bốn yếu tố nêu ra ở trên, và đồng thời có liên hệ đến những câu hỏi của các thiền sinh, cho dù pháp hành của họ có nhắm đến Giác ngộ hay không: Làm thế nào để nhận biết một vị chân sư? Làm thế nào để phân biệt Chân pháp và Ngụy pháp? Lắng nghe Diệu Pháp sẽ được lợi ích gì? Chúng ta phải tự vấn như thế nào trong quá trình tu tập? Các pháp hành nào là tương hợp với Chánh pháp? Trong khi tu tập, chúng ta cần phải tăng trưởng các phẩm hạnh nào để được nhiều lợi lạc?

-----*

1. Thân cận bậc Chân nhân

Đối với vị Tỳ-khưu hữu học, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỳ-khưu, tức là làm bạn với thiện. Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu làm bạn với thiện, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

*Tỳ-khưu làm bạn thiện,
Tôn kính và kính trọng,
Làm theo những lời nói,
Của bạn bè thân hữu,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Vị ấy sẽ tuần tự,
Đạt được sự hoại diệt,
Tất cả mọi kiết sử.*

[Phật thuyết như vậy, 17]

*Tôn giả Ânanda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ânanda bạch Thế Tôn:

-- Một nửa Phạm hạnh này, bạch Thế Tôn, là thiện bạn hữu (*kalyàsamittatà*), thiện bạn đồng (*kalyànasahàyatà*), thiện thân tình (*kalyàsam-pavankatà*).

-- Chớ có nói vậy, này Ânanda! Chớ có nói vậy, này Ânanda! Toàn bộ Phạm hạnh này, này Ânanda, là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình. Với Tỳ-khưu thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, này Ânanda, thời được chờ đợi Thánh đạo Tám ngành được tu tập, Thánh đạo Tám ngành được làm cho viên mãn.

Và này Ànanda, thế nào là Tỳ-khưu thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, tu tập và làm cho viên mãn Thánh đạo Tám ngành? Ở đây, này Ànanda, Tỳ-khưu tu tập chánh tri kiến liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Tỳ-khưu tu tập chánh tư duy... tu tập chánh ngữ... tu tập chánh nghiệp... tu tập chánh mạng... tu tập chánh tinh tấn... tu tập chánh niệm... tu tập chánh định liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Như vậy, này Ànanda, là Tỳ-khưu thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình, tu tập Thánh đạo Tám ngành, làm cho sung mãn Thánh đạo Tám ngành.

Này Ànanda, chính với pháp môn này, các Ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình. Do Ta lấy thiện làm bạn hữu, này Ànanda, nên các chúng sanh bị sanh được giải thoát khỏi sanh; các chúng sanh bị già được giải thoát khỏi già; các chúng sanh bị chết được giải thoát khỏi chết; các chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não được giải thoát khỏi sầu, bi, khổ, ưu, não. Chính với pháp môn này, này Ànanda, các Ông cần phải hiểu thế nào toàn bộ Phạm hạnh này là thiện bạn hữu, thiện bạn đồng, thiện thân tình.

[Tương Ưng, 45.2]

*Này cư sĩ Byagghapajja, thế nào là làm bạn với thiện? Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sống tại làng hay tại thị trấn. Tại đây có gia chủ hay con người gia chủ, những trẻ được nuôi lớn trong giới đức, hay những người lớn tuổi được lớn lên trong giới đức, đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ, vị ấy làm quen, nói chuyện, thảo luận. Với những người đầy đủ lòng tin, vị ấy học tập với đầy đủ lòng tin. Với những người đầy đủ giới đức, vị ấy học tập với đầy đủ giới đức. Với những người đầy đủ bố thí, vị ấy học tập với đầy đủ bố thí. Với những người đầy đủ trí tuệ, vị ấy học tập với đầy đủ trí tuệ. Này Byagghapajja, đây gọi là làm bạn với thiện.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ lòng tin? Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử có lòng in, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là bậc Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô Thượng Sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên Nhân sư, Phật, Thế Tôn". Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ lòng in.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ giới đức? Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà dâm, từ bỏ nói dối, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nẫu. Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ giới đức.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ bố thí? Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử sống ở gia đình, với tâm không bị cấu uế, xan tham chi phối, bố thí rộng rãi, với bàn tay mở rộng, vui thích từ bỏ, sẵn sàng để được yêu cầu, vui thích chia xẻ vật bố thí. Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ bố thí.

Và này Byagghapajja, thế nào là đầy đủ trí tuệ? Ở đây, này Byagghapajja, thiện nam tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, với thánh thể nhập (quyết trạch), chơn chánh chấm dứt khổ đau. Này Byagghapajja, đây gọi là đầy đủ trí tuệ.

[Tăng Chi, 8.54]

*Phàm một người nào đã vi phạm một pháp, Ta nói rằng không có ác nghiệp nào vị ấy không làm được. Thế nào là một pháp? Này các Tỳ-khưu, tức là rõ biết mà nói láo.

*Người nào đã nói láo,
Là vi phạm một pháp,
Không kể đến đời sau,
Không ác gì không làm.*

[Phật thuyết như vậy, 25]

*- Này các Tỳ-khưu, có đầy đủ ba đức tánh, một người bạn cần được thân cận. Thế nào là ba? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu cho điều khó cho, làm điều khó làm, nhẫn điều khó nhẫn. Này các Tỳ-khưu, đầy đủ ba đức tánh, một người bạn cần được thân cận.

[Tăng Chi, 3.133]

*Ba pháp này, này các Tỳ-khưu, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố. Thế nào là ba? Bố thí, này các Tỳ-khưu, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố. Xuất gia, này các Tỳ-khưu, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố. Hầu hạ cha mẹ, này các Tỳ-khưu, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố. Ba pháp này, này các Tỳ-khưu, được người Hiền trí tuyên bố, được bậc Chân nhân tuyên bố.

[Tăng Chi, 3.45]

*Này các Tỳ-khưu, thế nào là địa vị bậc không phải Chân nhân? Người không phải Chân nhân, này các Tỳ-khưu, không biết ơn, không nhớ ơn. Đối với những người độc ác, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỳ-khưu, tức là không biết ơn, không nhớ ơn.

Đây hoàn toàn là địa vị kẻ không Chân nhân, này các Tỳ-khưu, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Còn bậc Chân nhân, này các Tỳ-khưu, là biết ơn, là nhớ ơn. Đối với những thiện nhân, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỳ-khưu, tức là biết ơn, nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị bậc Chân nhân, này các Tỳ-khưu, tức là biết ơn, nhớ ơn.

[Tăng Chi 2.31]

*Này các Tỳ-khưu, với cộng trú, giới cần phải được hiểu biết, như vậy, trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.

Này các Tỳ-khưu, với cùng một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy, trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.

Này các Tỳ-khưu, trong những hoạn nạn, sức kiên trì cần phải được hiểu biết, như vậy, trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.

Này các Tỳ-khưu, với đàm luận, trí tuệ cần phải được hiểu biết, như vậy, trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ.

(1) Này các Tỳ-khưu, với cộng trú, giới cần phải được hiểu biết, như vậy, trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, có người do cộng trú với một người khác biết được như sau: "Trong một thời gian dài, vị Tôn giả này làm giới bị bể vụn, làm giới bị cắt xén, làm giới bị vết nhơ, làm giới bị chấm, đen, làm việc không có liên tục, hạnh kiểm không có liên tục trong các giới. Ác giới là Tôn giả này, Tôn giả này không giữ giới".

Nhưng ở đây, này các Tỳ-khưu, người này do cộng trú với người kia, biết như sau: "Trong một thời gian dài, vị Tôn giả này không làm giới bị bể vụn, không làm giới bị cắt xén, không làm giới bị vết nhơ, không làm giới bị chấm, đen, làm việc có liên tục, hạnh kiểm có liên tục trong các giới. Giữ giới là Tôn giả này, Tôn giả này không phải ác giới".

Này các Tỳ-khưu, với cộng trú, giới cần phải được hiểu biết, như vậy, trong một thời gian dài, không có tác ý vấn đề khác, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ. Như vậy được nói đến, do duyên này được nói đến như vậy.

(2) Này các Tỳ-khưu, với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết. Như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, một người do cùng làm một nghề với một người khác, biết được như sau: "Khác thay, vị Tôn giả này khi làm việc với một người; khác thay, với hai người; khác thay, với ba người; khác thay, với nhiều người, làm trái ngược là vị Tôn giả này, các sở hành trước khác với sở hành sau. Không thanh tịnh là sở hành của vị Tôn giả này. Vị Tôn giả này có sở hành không thanh tịnh. Nhưng ở đây, này các Tỳ-khưu, một người do cùng làm một nghề với một người khác, biết được như sau: "Như thế nào, Tôn giả này khi làm việc với một người, như thế ấy với hai người, như thế ấy với ba người, như thế ấy với nhiều người, không làm trái ngược là vị Tôn giả này, các sở hành trước giống với sở hành sau. Thanh tịnh là sở hành của vị Tôn giả này."

Này các Tỳ-khưu, với cùng chung làm một nghề, thanh tịnh liêm khiết cần phải được hiểu biết, như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

(3) Này các Tỳ-khưu, trong các hoạn nạn, sức kiên trì cần phải được hiểu biết. Như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, có người cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, suy nghĩ như sau: "Bản chất như vậy là sự an trú thế giới này; Bản chất như vậy là bản tánh tự ngã có được này; Bản chất như vậy là sự an trú thế giới. Bản chất như vậy là có được bản tánh tự ngã. Tám thế giới pháp này vận chuyển thế giới, và thế giới vận chuyển tám pháp, tức là, lợi và thất lợi, không danh tiếng và danh tiếng, chê và khen, lạc và khổ". Người ấy, cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, sầu muộn, than van, khóc lóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh.

Nhưng ở đây, này các Tỳ-khưu, có người cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, suy nghĩ như sau: "Bản chất như vậy là sự an trú thế giới này; Bản chất như vậy là bản tánh tự ngã có được này; Bản chất như vậy là sự an trú thế giới. Bản chất như vậy là có được bản tánh tự ngã. Tám thế giới pháp này vận chuyển thế giới, và thế giới vận chuyển tám pháp, tức là, lợi và thất lợi, không danh tiếng và danh tiếng, chê và khen, lạc và khổ". Người ấy cảm thọ bà con bị ách nạn, cảm thọ tài sản bị ách nạn, cảm thọ sức khỏe bị ách nạn, không sầu muộn, không than van, không khóc lóc, không đập ngực, không rơi vào bất tỉnh.

Này các Tỳ-khưu, trong các hoạn nạn, sức mạnh kiên trì cần phải được hiểu biết. Như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

(4) Này các Tỳ-khưu, trong đàm luận, trí tuệ cần phải được hiểu biết. Như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không có không tác ý, với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, có người, do đàm luận với một người khác, biết như vậy: "Vị Tôn giả này, đối một câu hỏi như vậy, phản ứng là như vậy, giải đáp câu hỏi là như vậy, thời liệt tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không có trí tuệ. Vì sao? Vì Tôn giả này không nói lên câu nghĩa sâu sắc an tịnh, thù thắng, vượt ngoài lý luận suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp, vị này thuyết giảng, vị ấy không có khả năng, hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Liệt tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không có trí tuệ". Ví như, này các Tỳ-khưu, một người có mắt, đứng trên bờ một hồ nước, thấy một con cá nhỏ nổi lên, người ấy suy nghĩ như sau: "Như vậy, con cá này nổi lên; như vậy, làm cho gọn sóng; như vậy là độ nhanh của nó. Nhỏ bé là con cá này, con cá này không lớn".

Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, có người do đàm luận với một người khác, biết như vậy: "Vị Tôn giả này, đối một câu hỏi như vậy, phản ứng là như vậy, giải đáp câu hỏi là như vậy, thời có trí tuệ là Tôn giả này, Tôn giả này không phải là liệt tuệ. Vì sao? Vì Tôn giả này nói lên câu nghĩa sâu sắc an tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người hiền trí cảm thọ. Còn về pháp, vị này thuyết giảng, vị này có khả năng, hoặc tóm tắt, hoặc rộng rãi, nói lên ý nghĩa, thuyết giảng, trình bày, an lập, mở rộng, phân tích, phát lộ. Có trí tuệ là vị Tôn giả này, vị Tôn giả này không phải là liệt tuệ". Ví như, này các Tỳ-khưu, một người có mắt, đứng trên bờ một hồ nước, thấy một con cá lớn nổi lên, người ấy suy nghĩ

như sau: "Như vậy, con cá này nổi lên; như vậy, con cá này làm cho gợn sóng; như vậy là độ nhanh của nó. To lớn là con cá này, con cá này không nhỏ".

Này các Tỳ-khưu, trong đàm luận, trí tuệ cần phải được hiểu biết. Như vậy trong một thời gian dài, không thể khác được, có tác ý, không phải không tác ý với trí tuệ, không phải với liệt tuệ, như vậy được nói đến. Do duyên này được nói đến như vậy.

[Tăng Chi, 4.192]

*-- Này các Tỳ-khưu, một người bất chánh (*asappurisa*) có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này", hay không?

-- Bạch Thế Tôn, không biết được.

-- Lành thay, này các Tỳ-khưu! Này các Tỳ-khưu, không thể có sự tinh, không thể có sự kiện, một người bất chánh có thể biết một người bất chánh: "Người bất chánh là vị này." Này các Tỳ-khưu, nhưng một người bất chánh có thể biết một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

-- Bạch Thế Tôn, không biết được.

-- Lành thay, này các Tỳ-khưu! Này các Tỳ-khưu, không thể có sự tinh, không thể có sự kiện một người bất chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này".

Người bất chánh, này các Tỳ-khưu, là người đầy đủ pháp bất chánh, giao du với người bất chánh, suy tư như người bất chánh, tư lường như người bất chánh, nói năng như người bất chánh, hành động như người bất chánh, có tà kiến như người bất chánh, bố thí như người bất chánh.

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người bất chánh bất tín, vô tâm, vô quý, nghe ít, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh.

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là người bất chánh giao du với những người bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, những vị Bà-la-môn nào bất tín, vô tâm, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu với người bất chánh ấy. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người bất chánh giao du với người bất chánh.

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là người bất chánh suy tư như người bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người bất chánh suy nghĩ tự làm hại mình, suy nghĩ làm hại người khác, suy nghĩ làm hại cả hai.. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người bất chánh suy tư như người bất chánh.

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là người bất chánh tư lường như người bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người bất chánh tư lường tự làm hại mình, tư lường làm hại người, tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người bất chánh tư lường như người bất chánh.

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là người bất chánh nói năng như người bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người bất chánh nói lời nói láo, nói lời hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm. Như vậy này các Tỳ-khưu, là người bất chánh nói năng như người bất chánh.

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là người bất chánh hành động như người bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người bất chánh sát sanh, lấy của không cho, làm các tà hạnh trong các dục. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người bất chánh hành động như người bất chánh.

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người bất chánh có tà kiến như sau: "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại". Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người bất chánh bố thí như người bất chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người bất chánh bố thí một cách vô lễ, bố thí không phải tự tay, bố thí không có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật không cần dùng, bố thí không nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người bất chánh bố thí như người bất chánh.

Này các Tỳ-khưu, người bất chánh ấy, đầy đủ pháp bất chánh như vậy, giao du với người bất chánh như vậy, suy tư như người bất chánh như vậy, tư lường như người bất chánh như vậy, nói năng như người bất chánh như vậy, hành động như người bất chánh như vậy, có tà kiến như người bất chánh như vậy, bố thí như người bất chánh như vậy, sau khi

thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người bất chánh. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là cảnh giới của những người bất chánh? Địa ngục hay là bàng sanh.

Này các Tỳ-khưu, một người chơn chánh có thể biết được một người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này" hay không?

-- Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay, này các Tỳ-khưu! Sự tình này xảy ra là người chơn chánh có thể biết được người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này". Nhưng này các Tỳ-khưu, người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này" hay không?

-- Thừa biết được, bạch Thế Tôn.

-- Lành thay, này các Tỳ-khưu! Này các Tỳ-khưu, có sự tình này là người chơn chánh có thể biết được người bất chánh: "Người bất chánh là vị này". Này các Tỳ-khưu, người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp, giao du với các bậc chơn chánh, suy nghĩ như các bậc chơn chánh, tư lường như các bậc chơn chánh, nói năng như bậc chơn chánh, hành động như bậc chơn chánh, có chánh kiến như bậc chơn chánh, bố thí như bậc chơn chánh.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người chơn chánh có lòng tin, có lòng tâm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần, tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người chơn chánh đầy đủ những Chánh pháp.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lòng tin, có lòng tâm, có lòng quý nghe nhiều, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu của vị chơn chánh ấy. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh.

Và này, các Tỳ-khưu, như thế nào là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người chơn chánh không suy nghĩ tự làm hại mình, không suy nghĩ làm hại người khác, không suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh.

Và này, các Tỳ-khưu, như thế nào là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người chơn chánh không tư lường tự làm hại mình, không tư

lường làm hại người khác, không tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh?

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người chơn chánh từ bỏ không nói láo, từ bỏ không nói hai lưỡi, từ bỏ không nói ác khẩu, từ bỏ không nói phiếm luận. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người chơn chánh hành động như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người chơn chánh từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ làm các tà hạnh trong dâm dục. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người chơn chánh hành động như người chơn chánh.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người chơn chánh có chánh kiến như bậc chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người chơn chánh có chánh kiến như sau: "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh. Ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh? Ở đây, này các Tỳ-khưu, người chơn chánh bố thí một cách lễ độ, bố thí với tự tay, bố thí có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật cần dùng, bố thí có nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh.

Này các Tỳ-khưu, người chơn chánh ấy, đầy đủ Chánh pháp như vậy, giao du với người chơn chánh như vậy, suy tư như người chơn chánh như vậy, tư lường như người chơn chánh như vậy, nói năng như người chơn chánh như vậy, hành động như người chơn chánh như vậy, có chánh kiến như người như người chơn chánh như vậy, bố thí như người chơn chánh như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người chơn chánh. Và này các Tỳ-khưu, thế nào là cảnh giới của những người chơn chánh? Đại tánh của chư Thiên hay đại tánh của loài Người.

[Trung Bộ, 110]

*Nếu thấy bậc hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng,
Hãy thân cận người trí !
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

[Pháp Cú, 76]

*Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.*

[Pháp Cú, 78]

-ooOoo-

2. Biết nghe Diệu Pháp

Đức Phật giảng cho thanh niên Kapadika Bharadvaja:

-- Trước hết, này Bharadvaja, Ông đi đến lòng tin, nay Ông nói đến tùy văn. Này Bharadvaja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại. Thế nào là năm? Tín, tùy hỷ, tùy văn, cân nhắc suy tư các lý do và chấp nhận quan điểm. Này Bharadvaja, năm pháp này có hai quả báo ngay trong hiện tại. Tuy vậy, này Bharadvaja, có điều được khéo tin tưởng, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo tin tưởng, có thể là thật, chân, không thay đổi. Lại nữa này Bharadvaja, có điều được khéo tùy hỷ... được khéo tùy văn... được khéo cân nhắc suy tư... được khéo chấp nhận, có thể là trống không, trống rỗng, hư vọng. Trái lại, có điều không được khéo chấp nhận, có thể là thật, chân, không thay đổi. Hộ trì chân lý, này Bharadvaja không đủ để một người có trí đi đến kết luận một chiều là: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra đều là sai lầm"

-- Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là hộ trì chân lý? Cho đến mức độ nào, chân lý được hộ trì? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về hộ trì chân lý.

-- Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tin và nói: "Đây là lòng tin của tôi", người ấy hộ trì chân lý, nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài

ra đều là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là sự hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, chân lý được hộ trì. Và cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây, chưa phải là giác ngộ chân lý. Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy hỷ.... Này Bharadvaja, nếu có người có lòng tùy văn... Này Bharadvaja, nếu có người có sự cân nhắc suy tư các lý do... Này Bharadvaja, nếu có người chấp nhận một quan điểm và nói: "Đây là sự chấp nhận quan điểm của tôi", người ấy hộ trì chân lý. Nhưng người ấy không đi đến kết luận một chiều: "Chỉ đây là sự thật, ngoài ra là sai lầm". Cho đến như vậy, này Bharadvaja, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì và cho đến như vậy, này Bharadvaja, chúng tôi chủ trương hộ trì chân lý. Nhưng ở đây chưa phải sự giác ngộ chân lý.

-- Cho đến như vậy, thừa Tôn giả Gotama, là hộ trì chân lý. Cho đến như vậy, thừa Tôn giả Gotama, chân lý được hộ trì. Cho đến như vậy, thừa Tôn giả Gotama, chúng con nhìn thấy hộ trì chân lý. Nhưng thừa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là giác ngộ chân lý? Cho đến mức độ nào chân lý được giác ngộ? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về giác ngộ chân lý?

-- Ở đây, này Bharadvaja, Tỳ-khưu sống gần một làng hay một thị trấn. Một gia chủ hay con trai một gia chủ đi đến vị ấy và tìm hiểu vị ấy trong ba pháp, tức là tham pháp, sân pháp, si pháp. Người này nghĩ rằng: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có tham ái hay không, do những tham ái này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Vị Tôn giả ấy không có những tham pháp, do những tham pháp này tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy"; hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng tham. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận; pháp ấy không thể do một người có lòng tham khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch không có những tham pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các sân pháp: "Không hiểu vị Tôn giả ấy có sân pháp hay không, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết

như sau: "Tôn giả ấy không có những sân pháp, do những sân pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động, khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng sân. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng sân khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những sân pháp, người kia lại xem xét thêm vị ấy về các si pháp: "Không hiểu tôn giả ấy có si pháp hay không, do những si pháp này, tâm của vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài". Trong khi xem xét vị ấy, người này biết như sau: "Tôn giả ấy không có những si pháp, do những si pháp này, tâm vị ấy bị chi phối đến nỗi dầu không biết, vẫn nói: "Tôi biết", dầu không thấy, vẫn nói: "Tôi thấy", hay xui khiến người khác có những hành động khiến người ấy không được hạnh phúc, phải đau khổ lâu dài. Thân hành của vị ấy là như vậy, khẩu hành là như vậy, là hành động của một người không có lòng si. Còn Tôn giả ấy thuyết pháp, pháp ấy thâm sâu, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, thù thắng, vượt ngoài luận lý suông, tế nhị, được người trí chấp nhận, pháp ấy không thể do một người có lòng si khéo giảng".

Sau khi xem xét vị ấy và thấy vị ấy trong sạch, không có những si pháp, người này sanh lòng tin đối với vị ấy, với lòng tin sanh, người này đến gần, khi đến gần liền thân cận giao thiệp, do thân cận giao thiệp, nên lắng tai, lắng tai, người ấy nghe pháp, sau khi nghe, liền thọ trì pháp, rồi tìm hiểu ý nghĩa các pháp được thọ trì; trong khi tìm hiểu ý nghĩa, các pháp được hoan hỷ chấp nhận; khi các pháp được hoan hỷ chấp nhận, ước muốn sanh, khi ước muốn sanh, liền cố gắng, sau khi cố gắng liền cân nhắc, sau khi cân nhắc, người ấy tinh cần. Trong khi tinh cần, người ấy tự thân chứng ngộ tối thượng chân lý, và khi thể nhập chân lý ấy với trí tuệ, người ấy thấy. Cho đến mức độ này, này Bharadvaja là sự giác ngộ chân lý, cho đến mức độ này, chân lý được giác ngộ, và cho đến mức độ này, chúng tôi chủ trương sự giác ngộ chân lý, nhưng như vậy chưa phải là chúng đạt chân lý.

-- Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là giác ngộ chân lý, cho đến như vậy, chân lý được giác ngộ, và cho đến như vậy chúng con thấy giác ngộ chân lý. Nhưng thưa Tôn giả Gotama, cho đến mức độ nào là chúng đạt được chân lý, cho đến mức độ nào chân lý được chúng đạt. Chúng con hỏi Tôn giả Gotama về sự chúng đạt chân lý.

-- Nay Bharadvaja, chính nhờ luyện tập, tu tập và hành tập nhiều lần, chân lý mới được chứng đạt. Cho đến như vậy, nay Bharadvaja, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy, chân lý được chứng đạt, cho đến như vậy, chúng tôi chủ trương sự chứng đạt chân lý.

-- Cho đến như vậy, thưa Tôn giả Gotama, là chứng đạt chân lý, cho đến như vậy chân lý được chứng đạt, và cho đến như vậy, chúng con thấy chứng đạt chân lý. Nhưng trong sự chứng đạt chân lý, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự chứng đạt chân lý, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự chứng đạt chân lý, nay Bharadvaja, tinh cần được hành trì nhiều. Nếu không tinh cần theo đuổi chân lý thì không thể chứng đạt chân lý. Nhưng nếu tinh cần thì chứng đạt được chân lý. Do vậy, trong sự chứng đạt chân lý, tinh cần được hành trì nhiều.

-- Trong sự tinh cần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tinh cần, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự tinh cần, nay Bharadvaja, sự cân nhắc được hành trì nhiều. Nếu không cân nhắc thì không thể tinh cần theo đuổi chân lý. Nếu có cân nhắc sẽ được tinh cần; do vậy, trong sự tinh cần, cân nhắc được hành trì nhiều.

-- Trong sự cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cân nhắc, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự cân nhắc, nay Bharadvaja, cố gắng được hành trì nhiều. Nếu không cố gắng thì không thể cân nhắc. Nhưng nếu có cố gắng thì có cân nhắc; do vậy trong sự cân nhắc, thì cố gắng được hành trì nhiều.

-- Trong sự cố gắng, Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự cố gắng, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự cố gắng, nay Bharadvaja, ước muốn được hành trì nhiều. Nếu ước muốn đối với chân lý ấy không khởi lên thì không có cố gắng. Vì ước muốn có khởi lên nên có cố gắng, do vậy, trong sự cố gắng, ước muốn được hành trì nhiều.

-- Trong ước muốn, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con muốn hỏi Tôn giả Gotama, trong ước muốn, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong ước muốn, nay Bharadvaja, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều. Nếu không hoan hỷ chấp nhận pháp thì ước muốn không khởi lên. Vì có hoan hỷ chấp nhận

pháp nên ước muốn khởi lên; do vậy, trong ước muốn, hoan hỷ chấp nhận pháp được hành trì nhiều.

-- Nhưng trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, này Bharadvaja, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều. Nếu không tìm hiểu ý nghĩa thì không hoan hỷ chấp nhận pháp. Và vì có tìm hiểu ý nghĩa nên có sự chấp nhận pháp; do vậy, trong sự hoan hỷ chấp nhận pháp, tìm hiểu ý nghĩa được hành trì nhiều.

-- Nhưng trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự tìm hiểu ý nghĩa, này Bharadvaja, thọ trì pháp được hành trì nhiều. Nếu không có thọ trì pháp thì không tìm hiểu ý nghĩa. Và vì có thọ trì pháp, nên có tìm hiểu ý nghĩa; do vậy, trong sự tìm hiểu ý nghĩa, thọ trì pháp được hành trì nhiều.

-- Trong sự thọ trì pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Trong sự thọ trì pháp, chúng con hỏi Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự thọ trì pháp, này Bharadvaja, nghe pháp được hành trì nhiều. Nếu không nghe pháp thì không có thọ trì pháp. Và do có nghe pháp nên có thọ trì pháp; do vậy, trong sự thọ trì pháp, nghe pháp được hành trì nhiều.

-- Trong sự nghe pháp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự nghe pháp, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự nghe pháp, này Bharadvaja, lắng tai được hành trì nhiều. Nếu không có lắng tai thì không có nghe pháp. Và vì có lắng tai nên có nghe pháp; do vậy, trong sự nghe pháp, lắng tai được hành trì nhiều.

-- Trong sự lắng tai, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự lắng tai, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự lắng tai, này Bharadvaja, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều. Nếu không có thân cận giao thiệp thì không có lắng tai. Vì có thân cận giao thiệp nên có lắng tai; do vậy, trong sự lắng tai, thân cận giao thiệp được hành trì nhiều.

-- Trong sự thân cận giao thiệp, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự thân cận giao thiệp, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự thân cận giao thiệp, này Bharadvaja, đi đến gần được hành trì nhiều. Nếu không đi đến gần thì không có thân cận giao thiệp. Và vì có đi đến gần nên có thân cận giao thiệp; do vậy, trong sự thân cận giao thiệp, đi đến gần được hành trì nhiều.

-- Trong sự đi đến gần, thưa Tôn giả Gotama, pháp nào được hành trì nhiều? Chúng con hỏi Tôn giả Gotama, trong sự đi đến gần, pháp nào được hành trì nhiều.

-- Trong sự đi đến gần, này Bharadvaja, lòng tin được hành trì nhiều. Nếu lòng tin không sanh thì không đi đến gần. Và vì lòng tin sanh, nên có đi đến gần; do vậy, trong sự đi đến gần, lòng tin được hành trì nhiều.

[Trung Bộ, 95]

*.. Sau khi ngồi xuống một bên, các người Kàlà mà ở Kesaputta bạch Thế Tôn:

- Có một số Sa-môn, Bà-la-môn, bạch Thế Tôn, đi đến Kesaputta. Họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Bạch Thế Tôn, lại có một số Sa-môn, Bà-la-môn khác cũng đi đến Kesaputta, họ làm sáng tỏ, làm chói sáng quan điểm của mình, nhưng họ bài xích quan điểm người khác, khinh miệt, chê bai, xuyên tạc. Đối với họ, bạch Thế Tôn, chúng con có những nghi ngờ phân vân: "Trong những Tôn giả Sa-môn này, ai nói sự thật, ai nói láo?"

- Đương nhiên, này các Kàlà mà, các Ông có những nghi ngờ! Đương nhiên, này các Kàlà mà, các Ông có những phân vân! Trong những trường hợp đáng nghi ngờ, các Ông đương nhiên khởi lên phân vân.

Này các Kàlà mà, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng này các Kàlà mà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kàlà mà, hãy từ bỏ chúng.

Các Ông nghĩ thế nào, này Kàlà mà! Lòng tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có tham, này các Kàlà mà, bị tham chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlà mà, lòng sân khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có sân, này các Kàlà mà, bị sân chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn..

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlà mà, lòng si khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bất hạnh, bạch Thế Tôn.

- Người này có si, này các Kàlà mà, bị si chinh phục, tâm bị xâm chiếm, giết các sinh vật, lấy của không cho, đi đến vợ người, nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy bất hạnh đau khổ lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlà mà, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là bất thiện, bạch Thế Tôn.

- Đáng chê hay không đáng chê?

- Có tội, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay không bị người có trí quở trách?

- Bị người có trí quở trách, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến bất hạnh đau khổ không? Hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến bất hạnh, đau khổ, ở đây, đối với chúng con là vậy.

- Như vậy, này các Kàlàma, điều Ta vừa nói với các Ông: "Chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình."

Nhưng này các Kàlàma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí quở trách; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kàlàma, hãy từ bỏ chúng! Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

Này các Kàlàma, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng này các Kàlàma, khi nào tự mình biết như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không đáng chê; Các pháp này không bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kàlàma, hãy tự đạt đến và an trú.

Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlàma, không tham, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy, là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không tham, này các Kàlà mà, không bị tham chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có làm cho người ấy hạnh phúc an lạc lâu dài hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlà mà, không sân, khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không sân, này các Kàlà mà, không bị sân chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại đem lại hạnh phúc, an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlà mà, không si khi khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy là đưa lại hạnh phúc hay bất hạnh cho người ấy?

- Hạnh phúc, bạch Thế Tôn.

- Người này không si, này các Kàlà mà, không bị si chinh phục, tâm không bị xâm chiếm, không giết các sinh vật, không lấy của không cho, không đi đến vợ người, không nói láo, khích lệ người khác cũng làm như vậy. Như vậy, có đem lại hạnh phúc an lạc lâu dài cho người ấy hay không?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Kàlà mà, các pháp này là thiện hay bất thiện?

- Là thiện, bạch Thế Tôn.

- Các pháp này là đáng chê hay không đáng chê?

- Không đáng chê, bạch Thế Tôn.

- Bị người có trí quở trách hay được người có trí tán thán?

- Được người trí tán thán, bạch Thế Tôn.

- Nếu được thực hiện, được chấp nhận, có đưa đến hạnh phúc an lạc không, hay ở đây, là như thế nào?

- Được thực hiện, được chấp nhận, bạch Thế Tôn, chúng đưa đến hạnh phúc, an lạc. Ở đây, đối với chúng con là vậy.

- Nay các Kàlàma, chớ có tin vì nghe báo cáo, chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền tụng; chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình; chớ có tin vì đúng theo một lập trường; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ có tin vì vị Sa-môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng này các Kàlàma, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là thiện; Các pháp này là không có tội; Các pháp này được người có trí tán thán; Các pháp này nếu được thực hiện, được chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc", thời này Kàlàma, hãy chúng đạt và an trú. Điều đã được nói lên như vậy, chính do duyên như vậy được nói lên.

[Tăng Chi, 3.65]

*Đức Phật giảng cho Tỳ-khưu ni Mahàpajàpati Gotamì:

-- Nay Gotamì, những pháp nào bà biết: "Những pháp này đưa đến tham dục, không phải ly tham; đưa đến hệ phước, không đưa đến ly hệ phước; đưa đến tích tập, không đưa đến không tích tập; đưa đến dục lớn, không đưa đến ít dục; đưa đến không biết đủ, không đưa đến biết đủ; đưa đến tụ hội, không đưa đến nhàn tịnh; đưa đến biếng nhác, không đưa đến tinh tấn; đưa đến khó nuôi dưỡng, không đưa đến dễ nuôi dưỡng". Nay Gotamì, hãy thọ trì nhưt hướng rằng: "Đó là không phải Pháp, đó là không phải Luật, đó là không phải lời dạy của bậc Đạo sư".

Và này Gotamì, những pháp nào bà biết: "Những pháp đưa đến ly tham, không đưa đến tham dục; đưa đến ly hệ phước, không đưa đến hệ phước; đưa đến không tích tập, không đưa đến tích tập; đưa đến ít dục, không đưa đến dục lớn; đưa đến biết đủ, không đưa đến không biết đủ; đưa đến nhàn tịnh, không đưa đến tụ hội; đưa đến tinh tấn, không đưa đến biếng nhác; đưa đến dễ nuôi dưỡng, không đưa đến khó nuôi dưỡng". Nay Gotamì, hãy thọ trì nhưt hướng rằng: "Đó là Pháp, đó là Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo sư".

[Tăng Chi, 8.53]

*- Nay các Tỳ-khưu, nghe pháp có năm lợi ích này. Thế nào là năm?

- 1) Được nghe điều chưa nghe,**
- 2) Làm cho trong sạch điều được nghe,**
- 3) Đoạn trừ nghi,**
- 4) Làm cho tri kiến chánh trực,**
- 5) Làm cho tâm tịnh tín.**

Nay các Tỳ-khưu, nghe pháp có năm lợi ích này.

[Tăng Chi, 5.202]

*Thành tựu sáu pháp, nay các Tỳ-khưu, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Không thành tựu nghiệp chướng, không thành tựu phiền não chướng, không thành tựu dị thực chướng, có lòng tin, có ước muốn, và có trí tuệ.

Thành tựu sáu pháp này, nay các Tỳ-khưu, nếu có nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

[Tăng Chi, 6.86]

*Thành tựu sáu pháp, nay các Tỳ-khưu, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp. Thế nào là sáu? Khi Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng, có ưa nghe, có lắng tai, có an trú tâm liễu giải, nắm giữ điều lợi ích, bỏ qua điều không lợi ích, thành tựu tùy thuận nhẫn nhục.

Thành tựu sáu pháp này, nay các Tỳ-khưu, nếu được nghe diệu pháp, có thể bước vào quyết định tánh trong các thiện pháp.

[Tăng Chi 6.88]

*Thế nào là giới đức?
Thế nào là chánh hạnh?
Cần phải làm tăng trưởng.
Thân khẩu ý nghiệp nào?
Để người chánh nhập cuộc,
Đạt được đích tối thượng?*

Kính lễ bậc trưởng thượng [1],

*Không ganh tị một ai,
Cần phải biết thời gian,
Để yết kiến Đạo sư [2],
Biết được đúng thời khắc,
Thuyết pháp bắt đầu giảng,
Hãy cẩn thận lắng nghe,
Lời giảng được khéo nói.*

*Hãy đi đến đúng thời,
Trước mặt vị Đạo Sư,
Từ bỏ tánh cứng đầu,
Với thái độ khiêm tốn,
Hãy nhớ nghĩ ức niệm,
Hãy chơn chánh hành trì,
Mục đích và Chánh pháp,
Chế ngự và Phạm hạnh*

*Vui thích trong Chánh Pháp
Hoan hỷ trong Chánh Pháp,
An trú trên Chánh pháp,
Biết phân tích Chánh pháp,
Sở hành không làm gì,
Có lời uế nhiễm pháp [3],
Chịu hướng dẫn lãnh đạo,
Lời trung thực khéo nói.*

*Bỏ cười đùa, lảm miêng,
Khóc than và sân hận,
Làm những điều man trá,
Lừa đảo, tham, kiêu mạn,
Bồng bột và bạo ngôn,
Cứng rắn và đam mê,
Sống từ bỏ tất cả,
Ly say đắm, kiên trì.*

*Thức tri được cốt lõi,
Những lời được khéo nói,
Được nghe khéo thức tri,
Cốt lõi của thiền định,
Với con người hấp tấp,
Lại phóng dật buông lung,
Trí tuệ, đều được nghe,
Không có thể tăng trưởng.*

*An vui thích Chánh pháp,
Do bậc Thánh tuyên thuyết,
Họ trở thành vô thượng,
Về lời ý và nghiệp,
Họ an tịnh nhu hòa,
An trú trên thiền định,
Chúng đạt được cốt lõi [4],
Pháp được nghe, trí tuệ.*

[Kinh Tập, 2.9]

Ghi chú:

[1] Theo Chú giải, bậc Trưởng thượng là người có trí tuệ hơn ta, có nhiều kinh nghiệm hành thiền và các phương diện tu tập khác, và đã tu tập nhiều năm hơn ta.

[2] Chú giải ghi rằng thời điểm để đến gặp vị đạo sư là khi chúng ta đã chế ngự được tham, sân, si, và khi chúng ta không thể tự mình tìm lời giải đáp. Đây cũng là lời khuyên của ngài Trưởng lão Đại Ca-chiên-diên (*Maha Kaccana*), ghi trong Tăng Chi 6.26, rằng thời điểm thích hợp để đến tham vấn vị đạo sư là khi chúng ta cần hướng dẫn để chế ngự một trong năm triền cái, hay khi ta không có được một đề mục quán niệm thích nghi để đoạn trừ các lậu hoặc trong tâm thức.

[3] Chú giải cho rằng "lời ướm nhiễm pháp" là xem như tương đương với "thú thoại" (*animal talk* - nói chuyện hạ cấp, nhảm nhí). Có thể xem thêm các giải thích trong Luật tạng, giới Ưng đối trị (*Pacittiya*).

[4] Cốt lõi của học tập và trí tuệ là Giải thoát.

3. Như lý tác ý

-- Nay các Tỳ-khưu, với vị Tỳ-khưu hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành nội chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỳ-khưu, tức là Như lý tác ý. Nay các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu như lý tác ý, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.

*Vị Tỳ-khưu hữu học,
Hành như lý tác ý,
Không một pháp nào khác,
Nhiều lợi ích như vậy.
Để đạt cho bằng được,
Lợi ích thật tối thượng.
Vị Tỳ-khưu như lý,
Tinh tấn và tinh cần,
Có thể thành đạt được,
Sự đoạn diệt khổ đau.*

[Phật thuyết như vậy, 16]

*Này các Tỳ-khưu, ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhơn, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý; vị này vì không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, vì không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý.

Này các Tỳ-khưu, và thế nào là các pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý? Nay các Tỳ-khưu, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay hữu lậu chưa sanh được sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được tăng trưởng, hay vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng. Những pháp ấy là những pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý.

Này các Tỳ-khưu, và thế nào là các pháp cần phải tác ý mà vị ấy không tác ý? Này các Tỳ-khưu, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được trừ diệt, hay hữu lậu chưa sanh không sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được trừ diệt, hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt. Những pháp ấy là những pháp cần phải tác ý mà các vị ấy không tác ý. Do vị ấy tác ý các pháp không nên tác ý, do vị ấy không tác ý các pháp cần phải tác ý, nên các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng.

Vị ấy không như lý tác ý như sau: "Ta có mặt trong thời quá khứ, hay ta không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta đã có mặt như thế nào trong thời quá khứ? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai?" Hay nay vị ấy có nghi ngờ về mình trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt hình vóc như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu?".

Với người không như lý tác ý như vậy, một trong sáu tà kiến này khởi lên: "Ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; "Ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật như chơn; "Do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; "Do tự mình, ta tưởng tri ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn. "Không do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; hay tà kiến này khởi lên với người ấy: "Chính tự ngã của ta nói, cảm giác, hưởng thọ quả báo các nghiệp thiện ác đã làm chỗ này, chỗ kia, chính tự ngã ấy của ta là thường trú, thường hằng, hằng tồn, không chuyển biến, và sẽ vĩnh viễn tồn tại". Này các Tỳ-khưu, như vậy gọi là tà kiến, kiến trụ lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược. Này các Tỳ-khưu, trói buộc bởi kiến kiết sử, kẻ phàm phu ít nghe không được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói kẻ ấy không thoát khỏi khổ đau.

Này các Tỳ-khưu, và vị Thánh đệ tử nghe nhiều, được thấy các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; được thấy các bậc Chơn nhơn, thuần thực pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, tuệ tri các pháp cần phải tác ý, tuệ tri các pháp không cần phải tác ý. Vị này, nhờ tuệ tri các pháp cần phải tác ý, nhờ tuệ tri các pháp không cần phải tác ý, nên không tác ý các pháp không cần phải tác ý và tác ý các pháp cần phải tác ý.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là các pháp không cần phải tác ý và vị này không tác ý? Này các Tỳ-khưu, những pháp nào do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay hữu lậu chưa sanh được sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được tăng trưởng, hay vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng. Đó là những pháp không nên tác ý và vị ấy không tác ý.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là các pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý? Này các Tỳ-khưu, những pháp nào do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được trừ diệt, hay hữu lậu chưa sanh không sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được trừ diệt, hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt, đó là những pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý. Nhờ vị ấy không tác ý các pháp không cần phải tác ý, tác ý các pháp cần phải tác ý nên các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được trừ diệt: thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Này các Tỳ-khưu, các pháp ấy được gọi là pháp do tri kiến mà các lậu hoặc được đoạn trừ.

[Trung Bộ, 2]

* Trưởng lão Kotthika hỏi Trưởng lão Sàriputta (Xá-lợi-phất):

-- Thừa Hiền giả Sàriputta, những pháp gì Tỳ-khưu giữ giới cần phải như lý tác ý?

-- Này Hiền giả Kotthika, Tỳ-khưu giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Thế nào là năm? Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này Hiền giả Kotthika, vị Tỳ-khưu giữ giới cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Này Hiền giả, sự kiện này xảy ra: Tỳ-khưu giữ giới do như tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã, có thể chứng được quả Dự lưu.

-- Với Tỳ-khưu đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Sàriputta, những pháp gì cần phải như lý tác ý?

-- Với Tỳ-khưu đã chứng quả Dự lưu, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỳ-khưu Dự lưu, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã, có thể chứng được quả Nhứt lai.

-- Nhưng Tỳ-khưu Nhứt lai, này Hiền giả Sàriputta, phải như lý tác ý các pháp gì?

-- Tỳ-khưu Nhứt lai, này Hiền giả Kotthika, phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỳ-khưu Nhứt lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã, có thể chứng được quả Bất lai.

-- Nhưng Tỳ-khưu Bất lai, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý những pháp gì?

-- Tỳ-khưu Bất lai, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã. Sự kiện này có thể xảy ra, này Hiền giả, Tỳ-khưu Bất lai, do như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã, có thể chứng được quả A-la-hán.

-- Nhưng vị A-la-hán, này Hiền giả Sàriputta, cần phải như lý tác ý các pháp gì?

-- Vị A-la-hán, này Hiền giả Kotthika, cần phải như lý tác ý năm thủ uẩn này là vô thường, khổ, bệnh hoạn, ung nhọt, mũi tên, bất hạnh, ốm đau, người lạ, hủy hoại, rỗng không, vô ngã.

Với vị A-la-hán, này Hiền giả, không có gì phải làm nữa, hay không có phải thêm gì nữa trong công việc làm. Nhưng sự tu tập, làm cho sung mãn những pháp này sẽ đưa đến hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

[Tương Ưng, 22.122]

-ooOoo-

4. Thực hành pháp và tùy pháp

-- Và này các Tỳ-khưu, Ta nói mình giải thoát có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho mình giải thoát? Bảy giác chi, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta nói rằng Bảy giác chi có thức ăn, không phải không có thức ăn. Và cái gì là thức ăn cho Bảy giác chi? Bốn niệm xứ, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta nói rằng Bốn niệm xứ có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho Bốn niệm xứ? Ba thiện hành, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta nói như rằng ba thiện hành có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho ba thiện hành? Các căn được chế ngự, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta nói rằng các căn được chế ngự có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho các căn được chế ngự? Chánh niệm tỉnh giác, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỳ-khưu, chánh niệm tỉnh giác có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho chánh niệm tỉnh giác? Như lý tác ý, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta nói rằng, như lý tác ý có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho như lý tác ý? Lòng tin, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta nói lòng tin có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho lòng tin? Nghe diệu pháp, cần phải trả lời như vậy. Này các Tỳ-khưu, Ta nói rằng nghe diệu pháp có thức ăn, không phải không có thức ăn. Cái gì là thức ăn cho nghe diệu pháp? Giao thiệp với bậc Chân nhân, cần phải trả lời như vậy.

Như vậy, này các Tỳ-khưu, giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn thời làm viên mãn nghe diệu pháp; nghe diệu pháp được viên mãn thời làm viên mãn lòng tin; lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn như lý tác ý; như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác; chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự; các căn được chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành; ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn Bốn niệm xứ; Bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn Bảy giác chi; Bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn mình giải thoát.

Như vậy, đây là thức ăn của mình giải thoát, và như vậy là sự viên mãn.

Ví như, này các Tỳ-khưu, trên một ngọn núi có mưa rơi nặng hạt, nước mưa chảy xuống theo sườn dốc, làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng; sau khi làm đầy các hang núi, các kẽ núi, các thung lũng, chúng làm đầy các hồ nhỏ. Sau khi làm đầy các hồ nhỏ, chúng làm đầy các hồ lớn. Sau khi làm đầy các hồ lớn, chúng làm đầy các sông nhỏ. Sau khi làm đầy các sông nhỏ, chúng làm đầy các sông lớn. Sau khi làm đầy các sông lớn,

chúng làm đầy biển cả. Như vậy, là thức ăn của biển lớn, của đại dương, và như vậy là sự viên mãn.

Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn nghe diệu pháp; nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn lòng tin; lòng tin được viên mãn thời làm viên mãn như lý tác ý; như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn chánh niệm tỉnh giác; chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn được chế ngự; các căn chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba thiện hành; ba thiện hành được viên mãn, thời làm viên mãn Bốn niệm xứ; Bốn niệm xứ được viên mãn, thời làm viên mãn Bảy giác chi; Bảy giác chi được viên mãn, thời làm viên mãn minh giải thoát.

Như vậy là thức ăn của minh giải thoát, và như vậy là viên mãn.

[Tăng Chi, 10.61]

*

Chánh niệm và Tỉnh giác:

-- Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu hãy trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là Tỳ-khưu chánh niệm? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu trú, quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tỳ-khưu trú, quán thọ trên các cảm thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tỳ-khưu trú, quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Tỳ-khưu trú, quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là Tỳ-khưu chánh niệm.

Và này các Tỳ-khưu, như thế nào là Tỳ-khưu tỉnh giác? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu biết rõ ràng các cảm thọ khởi lên, biết rõ ràng các cảm thọ an trú, biết rõ ràng các cảm thọ đi đến tiêu mất; biết rõ ràng các tướng khởi lên, biết rõ ràng các tướng an trú, biết rõ ràng các tướng đi đến tiêu mất. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là Tỳ-khưu tỉnh giác.

Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu hãy trú chánh niệm, tỉnh giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

[Tương Ưng, 47.35]

Hộ trì các căn

Thế nào là vị Tỳ-khưu hộ trì các căn? Khi mắt thấy sắc, vị Tỳ-khưu không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-khưu tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn.

Khi tai nghe tiếng, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến nhĩ căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-khưu chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhĩ căn, thực hành sự hộ trì nhĩ căn.

Khi mũi ngửi hương, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến tỷ căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-khưu chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì tỷ căn, thực hành sự hộ trì tỷ căn.

Khi lưỡi nếm vị, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến thiệt căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-khưu chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì thiệt căn, thực hành sự hộ trì thiệt căn.

Khi thân cảm xúc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến thân căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-khưu chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì thân căn, thực hành sự hộ trì thân căn.

Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỳ-khưu chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.

Vị ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không vẫn đục. Như vậy, vị Tỳ-khưu hộ trì các căn.

[Trường Bộ, 2]

Ba Thiệt hành

Đức Phật giảng cho cư sĩ Cunda (Thuần-đà), con người thợ rèn:

-- Nay Cunda, tịnh hạnh về thân có ba, tịnh hạnh về lời có bốn, tịnh hạnh về ý có ba.

Này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về thân có ba? Ở đây, này Cunda, có người đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm; biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh, và loài hữu tình. Đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho; bất cứ vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không có cho người ấy, người ấy không lấy với ý niệm trộm cắp. Đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, không hành tà hạnh với hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, có pháp che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa (đám cưới). Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về thân có ba.

Và này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về lời có bốn? Ở đây, này Cunda có người đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đến chỗ tập hội hay đến chỗ chúng tội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa các vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì người biết". Nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết". Hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc nguyên nhân vì mình, hoặc nguyên nhân vì người, hoặc nguyên nhân vì một vài quyền lợi gì. Đoạn tận nói hai lưỡi, từ bỏ nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói, để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Đoạn tận lời nói độc ác, từ bỏ lời nói độc ác; người ấy nói những lời nói nhu hòa, êm tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui ý nhiều người. Đoạn tận lời nói phù phiếm; người ấy nói đúng thời, nói chân thật, nói có ý nghĩa, nói Pháp, nói Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, lợi ích. Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về lời nói có bốn.

Và này Cunda, thế nào là tịnh hạnh về ý có ba? Ở đây, này Cunda, có người không tham ái, không tham lam tài vật kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi! Mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình". Không có sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống lo tự ngã, không thù hận, không sân hận, không nhiễm loạn, được an lạc". Có chánh kiến, không có tư tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "Có bố

thí, có cúng thí, có tế lễ, các hành vi thiện ác, có kết quả dị thực, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng, lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau". Như vậy, này Cunda, tịnh hạnh về ý có ba.

Này Cunda, đó là mười thiện nghiệp đạo.

[Tăng Chi, 10.176]

Bốn Niệm xứ

Và như thế nào, này các Tỳ-khưu, là nhập tức xuất tức niệm được tu tập? Như thế nào là làm cho sung mãn, khiến bốn niệm xứ được viên mãn?

Khi nào, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu thở vô dài, vị ấy biết: "Tôi thở vô dài". Hay khi thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài". Hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn". Hay khi thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi tùy quán thân trên thân, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỳ-khưu, đối với các thân, Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra. Do vậy, này các Tỳ-khưu, trong khi tùy quán thân trên thân, vị Tỳ-khưu trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Khi nào, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu nghĩ: "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi tùy quán thọ trên các thọ, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỳ-khưu, đối với các cảm thọ, Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra. Do vậy này các Tỳ-khưu, trong khi tùy quán thọ trên các cảm thọ, Tỳ-khưu trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Khi nào, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu nghĩ: "Cảm giác tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tu tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm Thiền định, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm

Thiền định, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập. Trong khi tùy quán tâm trên tâm, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỳ-khưu, sự tu tập nhập tức xuất tức niệm không thể đến với kẻ thất niệm, không có tỉnh giác. Do vậy, này các Tỳ-khưu, trong khi tùy quán tâm trên tâm, Tỳ-khưu trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Khi nào này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu nghĩ: "Quán vô thường, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập. "Quán ly tham... quán đoạn diệt... quán từ bỏ, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập. Trong khi tùy quán trên các pháp, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu an trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Vị ấy, do đoạn trừ tham ưu, sau khi thấy với trí tuệ, khéo nhìn (sự vật) với niệm xả ly. Do vậy, này các Tỳ-khưu, trong khi tùy quán pháp trên các pháp, Tỳ-khưu trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỳ-khưu, được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn.

[Trung Bộ, 118]

Bảy Giác chi

Và bốn niệm xứ, này các Tỳ-khưu, được tu tập như thế nào, được làm sung mãn như thế nào, khiến cho bảy giác chi được viên mãn?

Này các Tỳ-khưu, trong khi tùy quán thân trên thân, Tỳ-khưu trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời, trong khi ấy, niệm không hôn mê của vị ấy được an trú. Trong khi niệm không hôn mê của vị ấy cũng được an trú, này các Tỳ-khưu, trong khi ấy niệm giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỳ-khưu. Trong khi ấy, Tỳ-khưu tu tập niệm giác chi. Trong khi ấy, niệm giác chi được Tỳ-khưu tu tập đi đến viên mãn.

Vị ấy an trú với chánh niệm như vậy, suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ. Này các Tỳ-khưu, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỳ-khưu với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, trong khi ấy trạch pháp giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỳ-khưu. Trong khi ấy, Tỳ-khưu tu tập trạch pháp giác chi. Trong khi ấy, trạch pháp giác chi được Tỳ-khưu tu tập đi đến viên mãn.

Trong khi Tỳ-khưu với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với vị Tỳ-khưu. Nay các Tỳ-khưu, trong khi Tỳ-khưu với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, trong khi ấy sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với Tỳ-khưu ấy. Trong khi ấy tinh tấn giác chi được bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trong khi ấy, Tỳ-khưu tu tập tinh tấn giác chi. Trong khi ấy, tinh tấn giác chi được Tỳ-khưu tu tập đi đến viên mãn.

Hỷ không liên hệ đến vật chất được khởi lên nơi vị tinh tấn tinh cần. Nay các Tỳ-khưu, trong khi hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên nơi Tỳ-khưu tinh tấn tinh cần, trong khi ấy, hỷ giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trong khi ấy, hỷ giác chi được vị Tỳ-khưu tu tập. Trong khi ấy hỷ giác chi được Tỳ-khưu tu tập đi đến viên mãn.

Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an. Nay các Tỳ-khưu, trong khi Tỳ-khưu với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỳ-khưu tu tập. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỳ-khưu làm cho đi đến sung mãn.

Một vị có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh. Nay các Tỳ-khưu, trong khi Tỳ-khưu có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy, định giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trong khi ấy, định giác chi được Tỳ-khưu tu tập. Trong khi ấy định giác chi được Tỳ-khưu làm cho đi đến sung mãn.

Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly. Nay các Tỳ-khưu, trong khi Tỳ-khưu với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly, trong khi ấy, xả giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trong khi ấy, xả giác chi được Tỳ-khưu tu tập. Trong khi ấy xả giác chi, được Tỳ-khưu làm cho đến sung mãn.

Nay các Tỳ-khưu, trong khi quán thọ trên các cảm thọ, ...

Nay các Tỳ-khưu, trong khi quán tâm trên tâm, ...

Nay các Tỳ-khưu, trong khi quán pháp trên các pháp, Tỳ-khưu an trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời, trong khi ấy niệm của vị ấy được an trú, không có hôn mê. Nay các Tỳ-khưu, trong khi niệm của Tỳ-khưu được an trú, không có hôn mê, niệm giác chi, trong khi ấy, được bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Niệm giác chi trong khi ấy được Tỳ-khưu tu tập. Niệm giác chi trong khi ấy, được Tỳ-khưu làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy an trú với chánh niệm như vậy, suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với

trí tuệ. Nay các Tỳ-khưu, trong khi an trú với chánh niệm như vậy, vị ấy suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ. Trạch pháp giác chi trong khi ấy được bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trạch pháp giác chi trong khi ấy được Tỳ-khưu tu tập. Trạch pháp giác chi trong khi ấy đi đến sung mãn, tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị ấy. Nay các Tỳ-khưu, trong khi Tỳ-khưu suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy với trí tuệ, và tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị ấy, tinh tấn giác chi trong khi ấy bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Tinh tấn giác chi được Tỳ-khưu tu tập. Tinh tấn giác chi được Tỳ-khưu làm cho đi đến sung mãn. Đối với vị ấy, tinh cần tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên. Nay các Tỳ-khưu, trong khi Tỳ-khưu tinh cần tinh tấn và hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên, hỷ giác chi trong khi ấy bắt đầu được khởi lên nơi Tỳ-khưu. Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỳ-khưu tu tập. Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỳ-khưu làm cho đi đến sung mãn. Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an. Nay các Tỳ-khưu, trong khi Tỳ-khưu với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỳ-khưu tu tập. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỳ-khưu làm cho đi đến sung mãn. Một vị có tâm khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh. Nay các Tỳ-khưu, trong khi vị ấy có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy định giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trong khi ấy, định giác chi được Tỳ-khưu tu tập. Trong khi ấy định giác chi được Tỳ-khưu làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly. Nay các Tỳ-khưu, trong khi Tỳ-khưu với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly, trong khi ấy xả giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỳ-khưu. Trong khi ấy, xả giác chi được Tỳ-khưu tu tập. Trong khi ấy xả giác chi được Tỳ-khưu làm cho đi đến sung mãn.

Nay các Tỳ-khưu, bốn niệm xứ được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy khiến cho bảy giác chi được sung mãn.

[Trung Bộ, 118]

Minh giải thoát

Và nay các Tỳ-khưu, bảy giác chi được tu tập như thế nào, được làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho minh giải thoát được viên mãn?

Ở đây, nay các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu tu tập niệm giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly; Tỳ-khưu tu tập trạch pháp giác chi...; Tỳ-khưu tu

tập tinh tấn giác chi...; Tỳ-khưu tu tập hỷ giác chi...; Tỳ-khưu tu tập khinh an giác chi...; Tỳ-khưu tu tập định giác chi...; Tỳ-khưu tu tập xả giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly. Nay các Tỳ-khưu, bầy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho mình giải thoát được viên mãn.

[Trung Bộ, 118]

-ooOoo-

Kết luận

- Nay các Tỳ-khưu, thế nào là tám tư niệm của bậc Đại nhân?

Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người ít dục, Pháp này không phải để cho người nhiều dục; Nay các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ; Nay các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng; Nay các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác; Nay các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm; Nay các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người Thiền định, pháp này không phải để cho người không Thiền định; Nay các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người có trí tuệ, Pháp này không phải để cho người ác tuệ; Nay các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, Pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận.

(1) Nay các Tỳ-khưu, "Pháp này để cho người ít dục, Pháp này không để cho người có dục lớn", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỳ-khưu, ở đây, Tỳ-khưu ít dục không muốn: "Mong người ta biết tôi là ít dục"; biết đủ, không muốn: "Mong người ta biết tôi là biết đủ"; sống viễn ly, không muốn: "Mong người ta biết tôi sống viễn ly"; tinh cần tinh tấn, không muốn: "Mong người ta biết tôi sống tinh cần tinh tấn"; trú niệm, không muốn: "Mong người ta biết tôi trú niệm"; có định, không muốn: "Mong người ta biết tôi có định"; có tuệ, không muốn: "Mong người ta biết tôi là người có tuệ"; không thích hý luận, không muốn: "Mong người ta biết tôi không thích hý luận". Nay các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người ít dục, Pháp này không để cho người có dục lớn", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

(2) Nay các Tỳ-khưu, "Pháp này để cho người biết đủ, Pháp này không để cho người không biết đủ", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu biết đủ với bất cứ vật dụng gì như y áo, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này các Tỳ-khưu, "Pháp này để cho người biết đủ, Pháp này không phải để cho người không biết đủ", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

(3) Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người sống viễn ly, "Pháp này không phải để cho người ưa thích hội chúng", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, Với Tỳ-khưu sống viễn ly, có nhiều người đến thăm như Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, vua chúa, đại thần, các ngoại đạo sư, đệ tử của các ngoại đạo sư. Ở đây, Tỳ-khưu với tâm thuận về viễn ly, hướng về viễn ly, nhập vào viễn ly, trú vào viễn ly, thích thú xuất ly, nói lời hoàn toàn liên hệ đến lánh xa. Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người viễn ly, "Pháp này không phải để cho người không ưa hội chúng", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

(4) Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, "Pháp này không phải để cho người biếng nhác", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu sống tinh cần tinh tấn, đoạn tận các pháp bất thiện, thành tựu các pháp thiện, nỗ lực kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, "Pháp này không phải để cho người biếng nhác", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

(5) Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người trú niệm, "Pháp này không phải để cho người thất niệm", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu đầy đủ niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, ức nhớ tùy niệm những điều đã làm, nói đã lâu. Này các Tỳ-khưu, "Pháp này để cho người trú niệm, Pháp này không phải để cho người thất niệm", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

(6) Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người thiền định, "Pháp này không phải để cho người không thiền định", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Ở đây các Tỷ-kheo ly các dục, ly các bất thiện pháp, chứng đạt và an trú vào Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú vào Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú vào Thiền thứ ba.

Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người thiền định, "Pháp này không phải để cho người không thiền định", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

(7) Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người có trí tuệ, "Pháp này không phải để cho người không trí tuệ", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu có trí tuệ, có trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập (quyết trạch), đưa đến chơn chánh đoạn diệt khổ đau. Này các Tỳ-khưu, "Pháp này để cho người có trí tuệ, Pháp này không phải để cho người không trí tuệ", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

(8) Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, "Pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận", như vậy đã được nói đến. Do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỳ-khưu, ở đây, Tỳ-khưu đối với đoạn diệt hý luận, tâm được phần chấn, tịnh tín, an trú, hướng đến. Này các Tỳ-khưu, Pháp này để cho người không ưa hý luận, không thích hý luận, "Pháp này không phải để cho người ưa hý luận, thích hý luận", đã được nói đến như vậy. Do duyên này được nói như vậy.

[Tăng Chi, 8.30]

*-- Thành tựu bảy pháp, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

Thế nào là bảy? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu là vị biết pháp, biết nghĩa, biết tự ngã, biết ước lượng, biết thời, biết hội chúng, biết người thắng kẻ liệt.

(1) Và này các Tỳ-khưu, thế nào là Tỳ-khưu biết pháp? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu biết pháp: Khế Kinh, Ứng tụng, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bản sanh, Pháp chưa từng có, Phương quảng. Này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu không biết pháp: Khế kinh, Ứng tụng... Phương quảng, vị ấy ở đây không được gọi là vị biết pháp.

Và này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu biết pháp: Khế kinh, Ứng tụng... Phương quảng; do vậy, vị ấy được gọi là vị biết pháp. Như vậy là biết pháp.

(2) Thế nào là biết nghĩa? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này". Này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu không biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này", thời ở đây, vị ấy không được gọi là vị biết nghĩa. Và này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu biết ý nghĩa của lời thuyết này, của lời thuyết kia: "Đây là ý nghĩa của lời nói này, đây là ý nghĩa của lời nói này"; do vậy, vị ấy được gọi là vị biết nghĩa. Đây là biết pháp, biết nghĩa.

(3) Thế nào là tự biết? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu tự biết; "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài". Này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu không biết tự ngã như vậy: "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài", thời ở đây, vị ấy không được gọi là vị biết tự ngã. Nếu Tỳ-khưu, này các Tỳ-khưu, biết tự ngã: "Cho đến như vậy, tôi có lòng tin, giữ giới, nghe nhiều, bố thí, trí tuệ, biện tài"; do vậy, vị ấy được gọi là vị biết tự ngã. Đây là biết pháp, biết nghĩa, tự biết.

(4) Và thế nào là biết ước lượng? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu biết ước lượng (vừa đủ) trong khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu không biết ước lượng vừa đủ khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh, thời vị ấy ở đây không được gọi là vị biết ước lượng vừa đủ. Này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu biết ước lượng vừa đủ khi nhận các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh; do vậy vị ấy được gọi là vị biết ước lượng vừa đủ. Đây là biết pháp, biết nghĩa, tự biết, biết ước lượng.

(5) Và thế nào là biết thời? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu biết thời: "Đây là thời để tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là thời tu tập, đây là thời Thiền tịnh". Này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu không biết thời: "Đây là thời tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là thời tu tập, đây là thời Thiền tịnh", thời ở đây, vị ấy được gọi là không biết thời. Và này các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu biết thời: "Đây là thời tuyên thuyết, đây là thời chất vấn, đây là thời tu tập, đây là thời Thiền tịnh"; do vậy, vị ấy được gọi là vị biết thời. Đây là biết pháp, biết nghĩa, tự biết, biết vừa đủ, biết thời.

(6) Và thế nào là biết hội chúng? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng Gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói

như vậy, nên im lặng như vậy". Nay các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu không biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng Gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im lặng như vậy", thời ở đây, vị ấy không được gọi là "Vị biết hội chúng". Và nay các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu biết hội chúng: "Đây là hội chúng Sát-đế-ly, đây là hội chúng Bà-la-môn, đây là hội chúng Gia chủ, đây là hội chúng Sa-môn. Ở đây, nên đi đến như vậy, nên đứng như vậy, nên ngồi như vậy, nên nói như vậy, nên im lặng như vậy"; do vậy, được gọi là "Vị biết hội chúng". Đây là biết pháp, biết nghĩa, tự biết, biết vừa đủ, biết thời, biết hội chúng.

(7) Và thế nào là biết người thắng liệt? Ở đây, nay các Tỳ-khưu, với vị Tỳ-khưu, loài Người được biết theo hai hạng: một hạng ưa thấy các bậc Thánh, một hạng không ưa thấy các bậc Thánh. Người này không ưa thấy các bậc Thánh, do có việc ấy, đáng bị quở trách. Còn người này ưa thấy các bậc Thánh, do việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người nghe diệu pháp: một hạng người ưa nghe diệu pháp, một hạng người không ưa nghe diệu pháp. Hạng người này không ưa nghe diệu pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Hạng người này ưa nghe diệu pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người nghe diệu pháp: một hạng người lắng tai nghe diệu pháp, một hạng người không lắng tai nghe diệu pháp. Hạng người này không lắng tai nghe diệu pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Hạng người này lắng tai nghe diệu pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người lắng tai nghe pháp: một hạng người nghe xong, thọ trì pháp; một hạng người nghe xong, không thọ trì pháp. Người này nghe xong không thọ trì pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Người này nghe xong thọ trì pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người nghe xong thọ trì pháp: một hạng người quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì, một hạng người không quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì. Hạng người này không quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì, do sự việc ấy, đáng được quở trách. Hạng người này quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người quán sát ý nghĩa các pháp được thọ trì: một hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, đã thực hành pháp; tùy pháp; một hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp. Hạng người này sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, không thực hành pháp, tùy pháp, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Hạng người này sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Có hai hạng người sau khi hiểu nghĩa, sau khi hiểu pháp đã thực hành pháp; tùy pháp: một hạng người thực hành với mục đích tự lợi, không có lợi tha; một hạng người thực hành với mục đích tự lợi và lợi tha.

Hạng người này thực hành với mục đích tự lợi, không có lợi tha, do sự việc ấy, đáng bị quở trách. Hạng người này thực hành với mục đích tự lợi và lợi tha, do sự việc ấy, đáng được tán thán. Như vậy, này các Tỳ-khưu, đối với Tỳ-khưu, loài Người được biết theo hai hạng. Như vậy, này các Tỳ-khưu, là Tỳ-khưu biết hạng người thắng liệt.

Do thành tựu bảy pháp này, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời.

[Tăng Chi, 7.64]

(Trong ngày cuối cùng còn tại thế) Đức Như Lai nói với tôn giả Ānanda:

-- Này Ānanda, các cây sàlā song thọ tự nhiên trở hoa trái mùa tràn đầy cành lá, những đóa hoa này rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Những thiên hoa Mandàrava từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Bọt trời chiên đàn từ trên hư không rơi xuống, rơi lên, gieo khắp và tung vãi trên thân Như Lai để cúng dường. Nhạc trời trên hư không trỗi dậy để cúng dường Như Lai. Thiên ca trên hư không vang lên để cúng dường Như Lai.

Nhưng, này Ānanda, như vậy không phải kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường hay lễ kính Như Lai. Này Ānanda, nếu có Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, cư sĩ nam hay cư sĩ nữ nào thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp, hành trì đúng Chánh pháp, thời người ấy kính trọng, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường Như Lai với sự cúng dường tối thượng. Do vậy, này Ānanda, hãy thành tựu Chánh pháp và Tùy pháp, sống chơn chánh trong Chánh pháp và hành trì đúng Chánh pháp. Này Ānanda, quý vị cần phải học tập như vậy.[Trường Bộ, 16]

Mục lục Phần 2

1. Dẫn nhập
2. Khai mở Pháp nhãn
3. Ba Kiết sử đầu tiên
4. Đặc tính của quả Dự lưu
5. Thành quả
6. Lời khuyên

1. Dẫn nhập

Kinh điển trích dẫn ở đây được trình bày trong 5 phần. Phần Một, Khai mở Pháp nhãn, đề cập đến kinh nghiệm thực chứng quả Dự lưu, và kết thúc bằng một đoạn kinh về tri kiến của bậc Dự lưu so với bậc A-la-hán.

Phần Hai đề cập đến 3 kiết sử đầu tiên trói buộc chúng ta trong vòng luân hồi: thân kiến, hoài nghi, và giới cấm thủ. Các kiết sử này được đoạn diệt khi khai mở Pháp nhãn.

Phần Ba đề cập đến các đặc tính của của vị đã đắc quả Dự lưu, sau khi chặt đứt 3 kiết sử đầu tiên. Phần này tập trung vào 3 danh sách liệt kê bốn yếu tố của quả Dự lưu, mà chúng ta không nên lầm lộn với bốn chi phần tạo điều kiện đưa đến quả Dự lưu như đã trình bày trong phần trích dẫn kinh điển lúc trước.

Phần Bốn, Kết quả, đề cập đến các thành quả mà bậc Dự lưu có được trong đời này và các đời sau.

Phần Năm là Lời Khuyên, trích dẫn lời dạy của Đức Phật trước khi Ngài tịch diệt. Bài kinh ghi chép các lời khuyên này -- Kinh số 16 của Trường Bộ -- cũng ghi nhận rằng các vị Tỳ khưu hiện diện trong giờ phút đó đều đã đạt các quả Thánh, thấp nhất là quả Dự lưu. Vì thế, sự kiện Đức Phật nhấn mạnh đến sự nỗ lực tinh tấn trong lời dạy cuối cùng cho thấy rằng ngay cả các vị đã đắc Dự lưu cũng vẫn phải tinh tấn tu tập, không được dễ dãi.

* * *

Chữ "lưu" (dòng sông) trong từ "Dự lưu" là để ám chỉ nơi mà tất cả tám chi phần của Bát Chánh Đạo cùng hội nhập lại.

-- "Dòng sông, dòng sông", này Sàriputta, được nói đến như vậy. Này Sàriputta, thế nào là dòng sông?

-- Bạch Thế Tôn, đây là dòng sông Thánh đạo Tám ngành. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

-- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Này Sàriputta, đây là dòng sông Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

-- "Dự lưu, Dự lưu", này Sàriputta, được gọi là như vậy. Này Sàriputta, thế nào là Dự lưu?

-- Bạch Thế Tôn, ai thành tựu Thánh đạo Tám ngành này, người ấy gọi là Dự lưu, vị Tôn giả với tên như vậy, với họ như vậy.

-- Lành thay, lành thay, này Sàriputta! Này Sàriputta, ai thành tựu Thánh đạo Tám ngành này, người ấy được gọi là bậc Dự lưu, vị Tôn giả với tên như thế này, với họ như thế này.

[Tương Ưng 55.5]

Sự hội nhập của tám chi phần này gọi là "dòng lưu" vì nó chắc chắn đưa đến 2 điều, cũng như các nhánh sông nhỏ sẽ hội nhập vào một con sông chính rồi sẽ chảy ra biển: 1) tức thời, dòng lưu đó đưa đến việc khai mở Pháp nhãn, đó là nhận thức được sự giác ngộ đầu tiên; 2) sau đó, với thời gian - tối đa là 7 kiếp luân hồi, dòng lưu sẽ đưa vị ấy đến giải thoát tối hậu.

-ooOoo-

2. Khai mở Pháp nhãn

Pháp nhãn nhìn thấy gì khi sinh khởi?

... Rồi đại đức Assaji đã nói với du sĩ Sāriputta lời dạy này thuộc về Giáo Pháp:

Pháp sanh lên do nhân
Như Lai giảng nhân ấy,
Nhân diệt thời Pháp diệt,
Đại Sa-môn nói vậy.

Rồi khi đã nghe được lời dạy này thuộc về Giáo Pháp thì Pháp nhãn không nhiễm bụi trần, không vết như đã sanh khởi đến du sĩ Sāriputta: "Điều gì có bản tánh sanh lên thì toàn bộ điều ấy đều có bản tánh hoại diệt."

[Đại phẩm, I.23.5]

Đoạn kinh giảng dưới đây - được lập lại nhiều lần trong Kinh tạng - thoạt xem qua có vẻ không có gì thâm sâu. Tuy nhiên, kinh văn nêu rõ là tri kiến không phải chỉ là lòng tin hay sự suy tư mà phải do sự tự thực chứng. Lòng tin và suy tư có thể giúp đưa đến tri kiến - và một cấp độ nào đó của lòng tín thành và sự hiểu biết có thể bảo đảm rằng một ngày nào đó trong kiếp này, tri kiến của ta sẽ khởi hiện - nhưng chỉ có sự thực chứng, biết rõ

như vậy, thấy rõ như vậy, thì mới tạo ra một sự thay đổi rất ráo trong cuộc đời của ta và trong sự tương quan của ta với Chánh Pháp.

-- Nay các Tỳ-khưu, mắt là vô thường, biến hoại, đổi khác. Tai là vô thường, biến hoại, đổi khác. Mũi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Lưỡi là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thân là vô thường, biến hoại, đổi khác. Ý là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, sắc là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thanh ... Hương ... Vị ... Xúc ... Pháp là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, nhãn thức là vô thường, biến hoại, đổi khác. Nhĩ thức ... Tỷ thức ... Thiết thức ... Thân thức ... Ý thức là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, nhãn xúc là vô thường, biến hoại, đổi khác. Nhĩ xúc ... Tỷ xúc ... Thiết xúc ... Thân xúc ... Ý xúc là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, thọ do nhãn xúc sanh là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thọ do nhĩ xúc sanh ... Thọ do tỷ xúc sanh ... Thọ do thiết xúc sanh ... Thọ do thân xúc sanh ... Thọ do ý xúc sanh là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, sắc tưởng là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thanh tưởng ... Hương tưởng ... Vị tưởng ... Xúc tưởng ... Pháp tưởng là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, sắc tư là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thanh tư ... Hương tư ... Vị tư ... Xúc tư ... Pháp tư là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, sắc ái là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thanh ái ... Hương ái ... Vị ái ... Xúc ái ... Pháp ái là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, địa giới là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thủy giới ... Hỏa giới ... Phong giới ... Không giới ... Thức giới là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, sắc uẩn là vô thường, biến hoại, đổi khác. Thọ uẩn ... Tưởng uẩn ... Hành uẩn ... Thức uẩn là vô thường, biến hoại, đổi khác.

Này các Tỳ-khưu, ai có lòng tin, có tín giải đối với những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy tín hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

Với ai, này các Tỳ-khưu, kham nhẫn một ít Thiền quán, như vậy với trí tuệ về những pháp này; vị ấy được gọi là Tùy pháp hành, đã nhập Chánh tánh, đã nhập Chân nhân địa, đã vượt phàm phu địa. Vị ấy không có thể làm những hành động gì, do làm hành động ấy, phải sanh vào địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ; một vị không có thể mệnh chung mà không chứng quả Dự lưu.

Với ai, này các Tỳ-khưu, đối với những pháp này, biết rõ như vậy, thấy rõ như vậy, vị ấy được gọi là đã chứng Dự lưu, không còn bị thoái đọa, quyết chắc hướng đến giác ngộ.

[Tương Ưng 25.1-10]

Chính tại chỗ ngồi ấy, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên với gia chủ Upali: "*Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt*". Rồi gia chủ Upali, thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, đạt được vô sở úy, không y cứ người khác đối với các pháp của bậc Đạo sư.

[Trung Bộ 56]

Một phần của tiến trình đưa đến sinh khởi Pháp nhãn như một sự chứng nghiệm mạnh mẽ là do trực nhận được rằng "Phàm pháp gì được khởi lên, tất cả pháp ấy đều bị tiêu diệt", tiếp theo là một tri kiến thoáng qua về cái đối nghịch với "các pháp gì được khởi lên", và đó là thấy được sự vô vi, bất tử.

... Sau đó, du sĩ Sārīputta đã đi đến gặp du sĩ Moggallāna. Du sĩ Moggallāna đã nhìn thấy du sĩ Sārīputta đang từ đằng xa đi lại, sau khi nhìn thấy đã nói với du sĩ Sārīputta điều này:

- Này bạn, các giác quan của bạn thật thanh tịnh, màu sắc cơ thể thật trong sáng và thuần khiết. Có đúng là bạn đã chứng đạt sự bất tử không?

- Này bạn, đúng vậy. Tôi đã chứng đạt sự bất tử.

[Đại phẩm, I.23.5]

Sự liên hệ giữa bài kệ của Trưởng lão Assaji về nhân duyên và sự sinh khởi Pháp nhãn của ngài Xá-lợi - phát cho thấy rằng thực chứng qua Pháp nhãn không phải chỉ có tri kiến về bản tánh vô thường, đổi thay nhanh chóng của kinh nghiệm hằng ngày. Thêm vào đó, Pháp nhãn giúp đưa đến thực chứng bản chất hữu vi, tùy thuộc duyên sinh của các kinh nghiệm đó. Các đoạn kinh văn khác, mô tả chi tiết về tri kiến của vị Dự Lưu - người đã

nhập dòng Thánh giải thoát - đã minh chứng điều này. Pháp nhãn giúp thấy rõ mọi pháp khởi sinh và tàn diệt theo lý nhân duyên, trong đó, hệ quả của mọi tác động có thể được cảm nhận tức thời hay trải qua một thời gian sau.

Thế nào là Thánh lý được khéo thấy, khéo thể nhập với trí tuệ?

- Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử quán sát như sau:

"Do cái này có, cái kia có. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có, cái kia không có. Do cái này diệt, cái kia diệt.

Tức là do duyên vô minh, có các hành. Do duyên các hành có thức. Do duyên thức có danh sắc. Do duyên danh sắc có sáu nhập. Do duyên sáu nhập có xúc. Do duyên xúc có thọ. Do duyên thọ có ái. Do duyên ái có thủ. Do duyên thủ có hữu. Do duyên hữu có sanh. Do duyên sanh có già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vậy, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Do vô minh diệt không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này diệt.

Đây là Thánh lý được khéo thấy và khéo thể nhập với trí tuệ."

[Tăng Chi 10.92]

Do vì, này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử khéo thấy như chân với chánh trí tuệ, lý duyên khởi này và các pháp duyên sanh này, nên chắc chắn vị ấy không chạy theo quá khứ với những câu hỏi: "Ta có mặt trong quá khứ? Ta không có mặt không quá khứ? Ta là gì trong quá khứ? Ta có mặt như thế nào trong quá khứ? Hay trước đó ta đã là gì, và tiếp theo, ta là gì?"

Vị ấy cũng không chạy theo tương lai với những câu hỏi: "Ta có mặt trong tương lai? Ta không có mặt trong tương lai? Ta sẽ làm gì trong tương lai? Ta có mặt như thế nào trong tương lai? Hay trước ta là gì, và nay trong tương lai ta sẽ là gì?"

Vị ấy cũng không khởi lên những nghi ngờ về tự mình trong hiện tại như sau: "Ta hiện có mặt? Ta hiện không có mặt? Ta hiện là gì? Ta hiện có mặt như thế nào?"

Vì sao? Vì rằng vị Thánh đệ tử, này các Tỳ-khưu, đã khéo thấy như chân với chánh trí tuệ, lý duyên khởi này và các pháp duyên sanh này.

[Tương Ưng 12.20]

Tri kiến của bậc Dự Lưu về chân đế Nhân Duyên và về sự Bất Tử, dù chính xác, nhưng không thâm sâu như tri kiến của bậc A-la-hán - vị đã đạt đến mức độ tốt cùng của giác ngộ. Sự khác biệt này được giải thích trong ví dụ dưới đây.

(...) Tôn giả Nārada nói với Tôn giả Sàvittha:

-- Này Hiền giả, "Hữu diệt là Niết-bàn", tôi khéo thấy như chân, nhờ chánh trí tuệ. Nhưng tôi không phải là vị A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc.

Ví như trên một con đường hoang vắng có một giếng nước. Tại đáy không có dây, không có gàu nước. Rồi có người đi đến, bị nóng bức bách, bị nóng áp đảo, mệt mỏi, run rẩy, khát nước. Người ấy ngó xuống giếng và biết được: "Giếng này có nước", nhưng đứng chịu, thân thể không chạm nước.

Cũng vậy, này Hiền giả, "Hữu diệt là Niết-bàn", tôi khéo thấy như chân, nhờ chánh trí tuệ, nhưng tôi không phải là vị A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc.

[Tương Ưng 12.8]

-ooOoo-

3. Ba kiết sử đầu tiên

Bốn cấp độ giác ngộ được giải thích qua tiến trình cắt bỏ 10 kiết sử trói buộc chúng ta trong vòng sinh tử luân hồi.

- Này các Tỳ-khưu, có mười kiết sử này. Thế nào là mười? Năm hạ phần kiết sử, năm thượng phần kiết sử.

Thế nào là năm hạ phần kiết sử? Thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Đây là năm hạ phần kiết sử.

Thế nào là năm thượng phần kiết sử? Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh. Đây là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỳ-khưu, đây là mười kiết sử.

[Tăng Chi 10.13]

Có những Tỳ-khưu là những vị A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn trừ, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích đã thành đạt, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí.

Có những Tỳ-khưu là những vị Bất lai, đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ ở đấy được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa.

Có những Tỳ-khưu là những vị Nhất lai, đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho mọi lược tham, sân, si, sau khi sanh vào đời này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau.

Có những Tỳ-khưu là những vị Dự lưu, đã đoạn trừ ba kiết sử, không còn đọa vào ác đạo, chắc chắn sẽ được giác ngộ.

[Trung bộ, 118]

Đối với bậc Dự Lưu, sinh khởi Pháp Nhãn - với tuệ tri về các nguyên lý nhân duyên của nguồn gốc của Khổ và Diệt khổ - là để cắt bỏ 3 kiết sử đầu tiên.

Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được trừ diệt: thân kiến, nghi, giới cấm thủ.

[Trung Bộ 2]

(Tỳ-khưu-ni Dhammadinna giảng cho nam cư sĩ Visakha)

-- Thưa Ni sư, thế nào là thân kiến?

-- Ở đây, Hiền giả Visakha, kẻ vô văn phạm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có sắc, hay xem sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong sắc; xem thọ là tự ngã, hay xem tự ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem tưởng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong tưởng; xem hành là tự ngã, xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành;

xem thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là thân kiến.

-- Thưa Ni sư, thế nào là không phải thân kiến?

-- Ở đây, Hiền giả Visakha, vị Đa văn Thánh đệ tử đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không xem sắc là tự ngã, không xem tự ngã là có sắc, không xem sắc là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong sắc; không xem thọ là tự ngã, không xem tự ngã là có thọ, không xem thọ là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thọ; không xem tưởng là tự ngã, không xem tự ngã là có tưởng, không xem tưởng là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong tưởng; không xem các hành là tự ngã, không xem tự ngã là có các hành, không xem các hành là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong các hành; không xem thức là tự ngã, không xem tự ngã là có thức, không xem thức là trong tự ngã, không xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là không có thân kiến.

[Trung Bộ 44]

-- Tự thân tập khởi, tự thân tập khởi, thưa Ni sư Dhammadina, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân tập khởi (nguồn gốc của tự thân) là như thế nào?

-- Hiền giả Visakha, khát ái này đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, hữu ái và phi hữu ái. Hiền giả Visakha, khát ái này, Thế Tôn gọi là tự thân tập khởi.

-- Tự thân diệt, tự thân diệt, thưa Ni sư, được gọi là như vậy. Thế Tôn gọi tự thân diệt là như thế nào?

-- Hiền giả Visakha, sự đoạn diệt, không tham đắm, không có dư tàn của khát ái ấy, sự xả ly, sự vất bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp. Hiền giả Visakha, sự đoạn diệt này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt.

-- Thưa Ni sư, tự thân diệt đạo, tự thân diệt đạo, được gọi là như vậy. Thưa Ni sư, Thế Tôn gọi tự thân diệt đạo là như thế nào?

-- Hiền giả Visakha, Con đường Thánh tám ngành này, Thế Tôn gọi là tự thân diệt đạo, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

[Trung Bộ 44]

Tôn giả Ānanda hỏi Đức Phật:

-- Bạch Thế Tôn, thế nào là Thánh giải thoát?

-- Ở đây, này Ānanda, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những bất động tưởng, những vô sở hữu xứ tưởng, và những phi tưởng phi phi tưởng xứ tưởng: cái gì thuộc tự thân, là tự thân. Đây là bất tử, tức là tâm giải thoát không thủ trước."

[Trung Bộ 106]

(Đức Phật giảng cho du sĩ Magandiya:)

-- Này Magandiya, ví như người sanh ra đã mù, không thấy sắc đen hay sắc trắng, không thấy sắc xanh, không thấy sắc vàng, không thấy sắc đỏ, không thấy sắc đỏ tía, không thấy cái gì thẳng bằng, không thẳng bằng, không thấy các vì sao, không thấy mặt trăng, mặt trời. Người ấy nghe một người có mắt nói như sau: "Thật tốt đẹp thay tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh", và người ấy đi tìm tấm vải trắng. Rồi có một người khác đánh lừa người ấy với một tấm y thô, dính dầu và đất và nói: "Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn". Người ấy lấy tấm y ấy.

Sau khi lấy, người ấy đắp trên mình, sau khi đắp trên mình người ấy, các bạn bè thân hữu, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ khoa mổ xẻ. Vị y sĩ khoa mổ xẻ này cho người ấy thuốc bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, xức thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, cho thuốc qua lỗ mũi. Người ấy sau khi dùng thuốc, mắt được khởi lên, mắt được sáng tỏ. Với mắt được khởi lên, người ấy đoạ trừ tham dục đối với tấm y thô, dính dầu và dính đất kia, và người ấy có thể xem người kia là không phải bạn, có thể xem người kia là thù địch và nghĩ đến sát hại sinh mạng của người kia: "Thật sự trong một thời gian dài, Ta bị người này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt với tấm y thô, dính dầu và đất: 'Này bạn, đây là tấm vải trắng, xinh đẹp, không cấu uế, thanh tịnh cho bạn'".

Cũng vậy, này Magandiya, nếu Ta thuyết pháp cho Ông: "Đây là không bệnh ấy, đây là Niết-bàn ấy", Ông có thể biết không bệnh, Ông có thể thấy Niết-bàn. Và với mắt được khởi lên cho Ông, lòng tham dục đối với năm thủ uẩn được đoạ trừ; và Ông có thể nghĩ

như sau: "Thật sự trong một thời gian dài, ta bị tâm này lường gạt, lừa dối, phỉnh gạt, chấp thủ sắc, ta đã chấp thủ; chấp thủ thọ, ta đã chấp thủ; chấp thủ tưởng, ta đã chấp thủ; chấp thủ các hành, ta đã chấp thủ; chấp thủ thức, ta đã chấp thủ. Do duyên chấp thủ ấy nơi ta, nên có hữu; do duyên hữu, có sanh; do duyên sanh, có già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não khởi lên. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ Khổ uẩn".

[Trung Bộ 75]

Trong đoạn kinh sau đây, Ngài Khemaka - vị tỳ-khưu đã đắc quả Bất Lai, và như thế, đã cắt bỏ được 5 kiết sử đầu tiên - giảng làm thế nào để trừ bỏ "thân kiến" mặc dù tâm ý vẫn chưa thoát khỏi được ngã mạn, "Tôi là", vốn chỉ trừ khử được ở cấp độ giác ngộ rốt ráo - quả thánh A-la-hán.

-- Thừa chư Hiền, tôi không nói: "Tôi là sắc". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác sắc". Tôi không nói: "Tôi là thọ"... "Tôi là tưởng"... "Tôi là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác thức". Đối với năm thủ uẩn này, này chư Hiền, tư tưởng "Tôi là" vẫn chưa đoạn trừ, dầu rằng tôi không có nghĩ: "Cái này là tôi".

Ví như, này chư Hiền, hương thơm của hoa sen xanh, hay hoa sen hồng, hay hoa trắng. Nếu có người nói: "Hương thuộc về lá, hay hương thuộc về sắc, hay hương thuộc về nhụy hoa", nói như vậy có nói đúng không?

-- Thừa không, này Hiền giả.

-- Vậy chư Hiền, trả lời như thế nào là trả lời một cách đúng đắn? Chư Hiền, hương là của hoa. Trả lời như vậy là trả lời một cách đúng đắn.

Cũng vậy, tôi không nói: "Tôi là sắc". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác sắc". Tôi không nói: "Tôi là thọ"... "Tôi là tưởng"... "Tôi là các hành"... Tôi không nói: "Tôi là thức". Tôi cũng không nói: "Tôi là khác thức". Đối với năm thủ uẩn này, này chư Hiền, tư tưởng "Tôi là" vẫn chưa đoạn trừ, dầu rằng tôi không có nghĩ: "Cái này là tôi".

[Tương Ưng 22.4]

Kiết sử "hoài nghi" được định nghĩa như là nghi ngờ về sự Giác ngộ của Đức Phật, nghi ngờ về Giáo pháp của Ngài, và về sự hành trì của các vị Thánh tăng đệ tử. Sự nghi ngờ này tóm tắt lại là sự nghi ngờ về sự hiện hữu của Bát Tử (Niết bàn), và về khả năng thực chứng của mình qua các nỗ lực hành trì Giáo pháp. Chứng nghiệm sự Bát Tử - qua công phu tu tập theo Chánh Pháp cho đến lúc nhập được dòng lưu - sẽ cắt bỏ được kiết sử này

vì người ấy giờ đây kiểm chứng được khả năng của con người để giác ngộ, trực kiến Niết bàn, kiểm chứng được lời dạy của Đức Phật như là các hướng dẫn đưa đến nhập dòng lưu giải thoát, và kiểm chứng được chân giá trị của những vị đã vào dòng Thánh.

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu".

Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Trục hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Chân chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi, tám chúng. Chúng đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đánh lễ, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời."

[Tăng Chi 10.92]

Kiệt sử "giới cấm thủ" thường được mô tả trong Kinh tạng như là sự tin tưởng rằng ta sẽ được thanh tịnh qua thực hiện các lễ nghi nào đó hoặc qua một chuỗi hành động nào đó. Sự tin tưởng này có liên hệ đến ý kiến cho rằng sự hiện hữu của ta được đánh giá qua các hành động: nếu ta hành trì theo các giới luật và khung hướng dẫn bó buộc nào đó, ta sẽ đương nhiên thanh tịnh. Mặc dù kinh điển công nhận tầm quan trọng của giới luật để nhập vào dòng Thánh, việc thực chứng Niết bàn cho thấy một vị như thế không chấp thủ vào các giới luật đó. Vị ấy sống đạo đức trong giới luật, nhưng không chấp thủ vào chúng.

(Đức Phật giảng cho người thợ mộc Pancakanga:)

... Và này Thợ mộc, những thiện giới này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn? Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, vị Tỳ-khưu có giới hạnh, và không chấp trước giới, và vị này như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Ở đây, những thiện giới ấy được trừ diệt, không có dư tàn.

[Trung Bộ 78]

Không phải từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến.

Người ta nói như vậy,
Nhưng cũng không phải là
Không kiến, không truyền thống,
Không trí, không giới cấm.

Từ bỏ tất cả chúng,
Không chấp thủ sự gì,
Bậc thiện [*] không y chỉ,
Không ước muốn sanh hữu.

[*] Bậc Thánh (đã nhập dòng giải thoát)

[Kinh Tập, 4.9]

-ooOoo-

4. Đặc tính của quả Dự Lưu

Sau đây là đoạn kinh thường thấy trong kinh điển về bốn yếu tố của quả Dự Lưu: lòng tịnh tín bất động nơi Đức Phật, Giáo Pháp, Tăng chúng, và thành tựu giới hạnh được các bậc Thánh ái kính.

Thế nào là thành tựu bốn Dự Lưu phần? Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử thành tựu tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Thế Tôn, bậc Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". Vị ấy thành tựu tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Ứng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn; Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đánh lễ, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời." Vị ấy thành tựu với những giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hủy, không bị bẻ vụn, không bị điểm chấm,

không bị ướ uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được bậc trí tán thán, không bị chấp trước, đưa đến Thiền định.

[Tăng Chi 10.92]

Mặc dù đoạn kinh trên thường được xem là các tiêu chuẩn căn bản của quả Dự Lưu, trong kinh điển còn có ghi các danh sách khác, trong đó, tiêu chuẩn về giới hạnh được thay thế bằng tiêu chuẩn khác.

Tương Ưng 55.32 ghi tiêu chuẩn thứ tư như sau: "Lại nữa, vị Thánh đệ tử trú ở gia đình, với tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia xẻ vật bố thí."

Tương Ưng 55.33 ghi tiêu chuẩn thứ tư như sau: "Lại nữa, vị Thánh đệ tử có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt các pháp, trí tuệ các bậc Thánh thể nhập các pháp, đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau."

Khi các danh sách liệt kê này được kết hợp lại, chúng ta có được một đặc tính diễn tả vị Thánh Dự Lưu: đầy đủ lòng tin, đầy đủ giới đức, đầy đủ bố thí, đầy đủ trí tuệ. Tăng Chi 8.54 diễn tả như là bốn pháp đưa đến hạnh phúc tương lai, an lạc tương lai cho một cư sĩ Phật tử.

"Lòng tin" nơi Tam Bảo - Phật, Pháp, Tăng - ở đây không phải chỉ đơn thuần là sự tin tưởng, sùng tín. Lòng tin ở đây giúp vị Dự Lưu đặt sự tín nhiệm, tin tưởng nơi nguyên lý nghiệp quả - nguyên lý của hành động và hậu quả như vị ấy đã chứng nghiệm khi bắt đầu nhập dòng Thánh.

Thành tựu năm pháp, này các Tỷ-khưu, một cư sĩ là hòn ngọc trong hàng cư sĩ, là hoa sen hồng trong hàng cư sĩ, là hoa sen trắng trong hàng cư sĩ. Thế nào là năm?

Có lòng tin; có giới đức; không tin tưởng vào bùa chú hay nghi lễ đặc biệt; tin tưởng ở nghiệp quả; không tìm kiếm ngoài Tăng chúng người xứng đáng tôn trọng và tại đây phục vụ trước.

[Tăng Chi 5.175]

"Giới đức" của vị Dự Lưu là kết quả của lòng tin kiên cố nơi luật nghiệp quả và lòng từ bi đối với các chúng sinh khác. Vị Dự Lưu có thể vẫn còn phạm vài học giới nhỏ, nhưng

cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói láo, khuyến khích người khác từ bỏ nói láo, nói lời tán thán từ bỏ nói láo. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai chia rẽ bạn bè ta bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta chia rẽ bạn bè người khác bằng lời nói hai lưỡi, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ nói hai lưỡi, khuyến khích người khác từ bỏ nói hai lưỡi, nói lời tán thán từ bỏ nói hai lưỡi. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai đối xử với ta bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác bằng thô ác ngữ, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ thô ác ngữ, khuyến khích người khác từ bỏ thô ác ngữ, nói lời tán thán từ bỏ thô ác ngữ. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

Lại nữa, này các Gia chủ, vị Thánh đệ tử suy tư như sau: "Nếu có ai đối xử với ta với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho ta. Nhưng nếu ta cũng đối xử với người khác với lời tạp ngữ, với lời phù phiếm, như vậy là một việc không khả ái, không khả ý cho người ấy. Một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời pháp này không khả ái, không khả ý cho người khác. Và một pháp này không khả ái, không khả ý cho ta, thời sao ta lại đem cột pháp ấy cho người khác?" Do suy tư như vậy, vị ấy tự mình từ bỏ lời nói phù phiếm, khuyến khích người khác từ bỏ nói lời phù phiếm, tán thán từ bỏ nói lời phù phiếm. Như vậy, về khẩu hành, vị ấy được hoàn toàn thanh tịnh.

[Tương Ưng 55.7]

Này các Tỳ-khưu, bản tụng đọc này gồm hơn 150 học giới cần phải đọc nửa tháng một lần, ở đây các người thiện nam tử muốn được lợi ích, học tập bản tụng ấy. Này các Tỳ-khưu, tất cả được thâu nhiếp làm thành ba học giới này. Thế nào là ba? Tăng thượng giới

học, tăng thượng định học, tăng thượng tuệ học. Chính ba học pháp này, này các Tỳ-khưu, thâm nhiếp tất cả.

Ở đây, này các Tỳ-khưu, có Tỷ kheo đối với các giới luật, hành trì toàn phần, đối với định, hành trì một phần, đối với tuệ, hành trì một phần. Vị ấy có vi phạm học pháp nhỏ nhặt nhỏ nhiệm nào, vị ấy được xem là thanh tịnh. Vì có sao? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Ta không tuyên bố chúng làm cho vị ấy không có khả năng đạt quả Thánh. Phạm có những học giới nào là căn bản Phạm hạnh, tương xứng Phạm hạnh, ở đây, vị ấy kiên trì giới ấy, kiên trú giới ấy, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc tối đa phải sanh lại bảy lần. Sau khi sanh lại bảy lần, sau khi dong ruổi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư Thiên và loài người, đoạn tận khổ đau, hướng đến giác ngộ giải thoát.

[Tăng Chi 3.87]

"Bồ thí" thật ra là một đức tính cần có trước khi đắc quả Dự Lưu. Tuy nhiên, lòng bồ thí của vị Dự Lưu có thêm những điểm đặc biệt.

Này các Tỳ-khưu, có năm xan tham này. Thế nào là năm? Xan tham trú xứ, xan tham gia đình, xan tham lợi dưỡng, xan tham tán thán, xan tham pháp.

Trong năm xan tham này, này các Tỳ-khưu, xan tham pháp là tối hạ liệt.

Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỳ-khưu, không có thể chứng ngộ Dự lưu quả.

[Tăng Chi, 5.254-257]

Này các Tỳ-khưu, có năm loại bồ thí này xứng bậc Chân nhân. Thế nào là năm? Bồ thí có lòng tin, bồ thí có kính trọng, bồ thí đúng thời, bồ thí với tâm không gượng ép, bồ thí không làm thương tổn mình và người.

[Tăng Chi, 5.148]

Tri kiến của vị Dự Lưu có liên quan trực tiếp đến việc trừ khử kiết sử về thân kiến. Tuy nhiên, điều đó cũng có liên quan đến các khía cạnh khác của chánh kiến. "Thành tựu tri kiến" là một trong những cao điểm của quả Dự Lưu. Tác động của thành tựu tri kiến không những ảnh hưởng đến đời sống trí thức mà còn ảnh hưởng đến đời sống tình cảm nữa.

Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu đi đến ngôi rừng, hay đi đến dưới gốc cây, hay đi đến chỗ trống vắng và suy nghĩ như sau: "Không biết ta có nội triền nào chưa đoạn trừ không? Do nội triền nào nếu tâm ta bị triền phược, thì ta không thể biết như thật, không thể thấy

như thật?" Nay các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu bị tham dục triền phược, cho đến như vậy, tâm của vị này bị triền phược. Nay các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu bị sân triền phược, cho đến như vậy, tâm của vị này bị triền phược. Nay các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu bị hôn trầm thụy miên triền phược, cho đến như vậy, tâm của vị này bị triền phược. Nay các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu bị trạo hối triền phược, cho đến như vậy, tâm của vị này bị triền phược. Nay các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu bị nghi triền phược, cho đến như vậy, tâm của vị này bị triền phược. Nay các Tỳ-khưu, nếu Tỳ-khưu có tâm bị thế sự đời này ràng buộc, cho đến như vậy, tâm của vị này bị triền phược. Nay các Tỳ-khưu, nếu vị Tỳ-khưu có tâm bị thế sự đời sau ràng buộc, cho đến như vậy, tâm của vị này bị triền phược. Tỳ-khưu sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau với những binh khí miệng lưỡi, cho đến như vậy, tâm của vị này bị triền phược.

Vị ấy biết rõ như sau: "Ta không có nội triền chưa được đoạn trừ, do nội triền này nếu tâm ta bị triền phược, ta không thể biết như thật, không thể thấy như thật. Ý của ta được khéo hướng đến sự giác ngộ các sự thật". Đó là trí thứ nhất mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

Lại nữa, nay các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Trong khi ta thực tập, tu tập, luyện tập nhiều lần tri kiến này; ta tự đạt được tịnh chỉ, ta tự đạt được tịch chỉ". Vị này biết rõ như sau: "Trong khi ta thực tập, tu tập, luyện tập nhiều lần tri kiến này; ta tự đạt được tịnh chỉ, ta tự đạt được tịch chỉ". Đó là trí thứ hai mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

Lại nữa, nay các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Tri kiến như ta đã thành tựu có thể có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào ngoài tổ chức này, thành tựu tri kiến như vậy không?" Vị ấy hiểu rõ như sau: "Tri kiến như ta đã thành tựu không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác, ngoài tổ chức này, thành tựu tri kiến như vậy". Đó là trí thứ ba mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

Lại nữa, nay các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Pháp tánh (Dhammata) mà một vị chứng được tri kiến thành tựu, pháp tánh như vậy ta có thành tựu hay không?" Và nay các Tỳ-khưu, pháp tánh ấy là gì mà một vị chứng được tri kiến thành tựu? Đây là pháp tánh, nay các Tỳ-khưu, mà một vị chứng được tri kiến thành tựu. Bất cứ giới tội nào vị này vi phạm, giới tội ấy liền được xuất tội. Vị này lập tức phát lộ, tỏ bày, trình bày trước bậc Đạo Sư hay trước các vị đồng phạm hạnh có trí. Sau khi phát lộ, tỏ bày, trình bày, vị ấy phòng hộ gìn giữ trong tương lai. Nay các Tỳ-khưu, ví như một đứa trẻ con, ngây thơ, nằm ngửa, lập tức rút lui tay hay chân nếu tay hay chân của nó chạm phải than đỏ. Cũng

vậy, này các Tỳ-khưu, đây là pháp tánh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu. Bất cứ giới tội nào vị này vi phạm, giới tội ấy liền được xuất tội. Vị này lập tức phát lộ, tỏ bày, trình bày trước bậc Đạo Sư hay trước các vị đồng phạm hạnh có trí. Sau khi phát lộ, tỏ bày, trình bày, vị ấy phòng hộ gìn giữ trong tương lai. Vị ấy biết rõ như sau: "Pháp tánh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu, pháp tánh như vậy ta có thành tựu". Như vậy là trí thứ tư mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

Lại nữa, này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Pháp tánh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu, pháp tánh như vậy ta có thành tựu hay không?" Và này các Tỳ-khưu, pháp tánh ấy là gì mà một vị chứng được tri kiến thành tựu? Đây là pháp tánh, này các Tỳ-khưu, mà một vị chứng được tri kiến thành tựu. Bất luận sự việc cần phải làm dầu lớn nhỏ gì, giúp cho các vị đồng phạm hạnh; vị này nỗ lực thực hiện, nhưng tha thiết hướng đến tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Này các Tỳ-khưu, ví như con bò có các con bê, khi đang nhỏ lùm cỏ lên ăn, vẫn coi chừng con bê. Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, đây là pháp tánh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu. Bất luận sự việc cần phải làm dầu lớn nhỏ gì, giúp cho các vị đồng phạm hạnh; vị này nỗ lực thực hiện, nhưng tha thiết hướng đến tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học. Vị này biết rõ như sau: "Pháp tánh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu, pháp tánh như vậy ta có thành tựu". Như vậy là trí thứ năm mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

Lại nữa, này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Sức mạnh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu, sức mạnh như vậy ta có thành tựu hay không?" Và này các Tỳ-khưu, sức mạnh ấy là gì mà một vị chứng được tri kiến thành tựu? Đây là sức mạnh, này các Tỳ-khưu, một vị chứng được tri kiến thành tựu. Trong khi Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết được giảng dạy, sau khi chú tâm chú ý, chuyên chú toàn tâm trí, vị này lắng tai nghe Pháp. Vị này biết rõ như sau: "Sức mạnh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu, sức mạnh như vậy ta có thành tựu". Như vậy là trí thứ sáu mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không có thể cộng chứng.

Lại nữa, này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Sức mạnh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu, sức mạnh như vậy ta có thành tựu hay không?" Và này các Tỳ-khưu, sức mạnh ấy là gì mà một vị chứng được tri kiến thành tựu? Đây là sức mạnh, này các Tỳ-khưu, mà một vị chứng được tri kiến thành tựu. Trong khi Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết được giảng dạy, vị này chứng được nghĩa tín thọ (atthaveda),

Pháp tín thọ (Dhammaveda), và sự hân hoan tương ứng với pháp; vị này hiểu rõ như sau: "Sức mạnh mà một vị chứng được tri kiến thành tựu, sức mạnh như vậy ta có thành tựu". Như vậy là trí thứ bảy mà vị này chứng được, thuộc các bậc Thánh, siêu thế, các phàm phu không thể cộng chứng.

Như vậy, này các Tỳ-khưu, pháp tánh được khéo an trú đối với vị Thánh đệ tử thành tựu bảy chi này để chứng được quả Dự Lưu. Như vậy, này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử thành tựu bảy chi này tức là đã thành tựu Dự Lưu quả.

[Trung Bộ 48]

Có pháp môn, này các Tỳ-khưu, y cứ pháp môn ấy, Tỳ-khưu hữu học đứng trên hữu học địa có thể rõ biết: "Tôi là bậc hữu học", Tỳ-khưu vô học đứng trên vô học địa, có thể rõ biết: "Tôi là bậc vô học".

Và này các Tỳ-khưu, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỳ-khưu hữu học trú trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học"? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu hữu học như thật rõ biết: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập khởi", như thật rõ biết: "Đây là khổ đoạn diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ đoạn diệt". Đây là pháp môn, y cứ pháp môn ấy, Tỳ-khưu hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

Lại nữa, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu hữu học suy nghĩ như sau: "Ngoài Tăng chúng này, có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn hay không?". Và vị ấy rõ biết như sau: "Ngoài Tăng chúng này, không có một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác có thể thuyết pháp thực như vậy, chân như vậy, như thị như vậy, như Thế Tôn". Đây là pháp môn, này các Tỳ-khưu, y cứ pháp môn ấy, Tỳ-khưu hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

Lại nữa, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu hữu học rõ biết năm căn: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nhưng về sanh thú, về tối thắng, về quả, về mục đích của chúng, vị ấy không có thể trú, tự thân thông đạt được, và không thể với trí tuệ, thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỳ-khưu, y cứ pháp môn ấy, Tỳ-khưu hữu học đứng trên hữu học địa rõ biết: "Tôi là bậc hữu học".

Và này các Tỳ-khưu, pháp môn ấy là gì, y cứ pháp môn ấy, Tỳ-khưu vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Ta là bậc vô học"? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu vô học rõ biết năm căn: tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn với sanh thú của chúng, với tối thắng của

chúng, với quả của chúng, với mục đích của chúng. Và vị ấy trú, với tự thân thông đạt được, và với trí tuệ thông suốt chúng và thấy chúng rõ ràng. Đây là pháp môn, này các Tỳ-khưu, y cứ pháp môn ấy, Tỳ-khưu vô học đứng trên vô học địa rõ biết: "Tôi là bậc vô học".

Lại nữa, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu vô học rõ biết sáu căn: nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, ý căn. Vị ấy rõ biết: "Sáu căn này được đoạn diệt, không có dư tàn, toàn bộ và toàn diện. Và sẽ không có sáu căn khác khởi lên, tại một chỗ nào và như thế nào". Vị ấy rõ biết như vậy. Đây là pháp môn, này các Tỳ-khưu, do pháp môn ấy, Tỳ-khưu vô học đứng trên vô học địa, rõ biết: "Tôi là bậc vô học".

[Tương Ưng 48.53]

... Gia chủ Anāthapindika (Cấp Cô Độc) đi đến các du sĩ ngoại đạo ấy, sau khi đến, nói lên với các du sĩ ấy những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Gia chủ Anāthapindika đang ngồi một bên:

- Này Gia chủ, hãy nói lên Sa-môn Gotama có kiến gì?
- Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của Thế Tôn.
- Này Gia chủ, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama. Nhưng này Gia chủ, hãy nói các Tỳ-khưu có kiến gì?
- Thưa các Tôn giả, tôi không biết tất cả kiến của các Tỳ-khưu.
- Này Gia chủ, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của Sa-môn Gotama, Gia chủ có thể không biết tất cả kiến của các Tỳ-khưu. Vậy này Gia chủ, hãy nói về kiến của Gia chủ.
- Thưa các Tôn giả, thật không khó gì để chúng tôi trả lời về kiến của chúng tôi. Nhưng các Tôn giả hãy trả lời về kiến của các Tôn giả trước. Rồi sau thật không khó gì để chúng tôi trả lời về kiến của chúng tôi.

Khi được nói vậy, một du sĩ ngoại đạo nói với Gia chủ Anāthapindika: "Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Này Gia chủ, như vậy là kiến của tôi". Một du sĩ ngoại đạo khác nói với Gia chủ Anāthapindika: "Vô thường là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Như vậy là kiến của tôi." Rồi một du sĩ ngoại đạo khác nói với Gia chủ Anāthapindika: "Có biên tế là thế giới... không có biên tế là thế giới...

mạng sống và thân thể là một... mạng sống và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại sau khi chết... Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không có tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi".

Khi nghe nói vậy, Gia chủ Anāthapindika nói với các du sĩ ngoại đạo ấy:

- Thưa các Tôn giả, Tôn giả nào nói như sau: "Thường còn là thế giới. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi". Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hay do duyên nghe tiếng người khác nói. Kiến ấy như vậy được sanh, được tác thành (hữu vi) do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái khổ ấy, Tôn giả chấp trước (dính vào); cái khổ ấy, Tôn giả chấp nhận. Thưa các Tôn giả, Tôn giả nào nói như sau: "Vô thường là thế giới này... có biên tế là thế giới này... không biên tế là thế giới này...sinh mạng và thân thể là một... sinh mạng và thân thể là khác... Như Lai có tồn tại sau khi chết... Như Lai không tồn tại sau khi chết... Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết. Kiến này là sự thật. Kiến nào khác là hư vọng. Đây Gia chủ, như vậy là kiến của tôi". Kiến này của Tôn giả ấy, hoặc nhân tự mình tác ý không hợp lý, hoặc do duyên nghe tiếng người khác nói. Kiến như vậy được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên. Và cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là vô thường; cái gì vô thường, cái ấy là khổ; cái khổ ấy, Tôn giả chấp trước; cái khổ ấy, Tôn giả chấp nhận.

Khi được nói vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy nói với Gia chủ Anāthapindika:

- Đây Gia chủ, tất cả kiến của chúng tôi đã được nói lên. Đây Gia chủ, hãy nói lên kiến của Gia chủ là gì?

- Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy là "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi." Tôi có kiến như vậy, thưa các Tôn giả.

- Đây Gia chủ, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì là khổ, cái ấy, này Gia chủ, Gia chủ lại chấp trước, cái ấy, này Gia chủ, Gia chủ lại chấp nhận.

- Thừa các Tôn giả, phàm cái gì được sanh, được tác thành, do tâm suy tư, do duyên được khởi lên, cái ấy là vô thường. Cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Như vậy là như thật khéo thấy với chánh trí tuệ. Và từ nơi khổ ấy, tôi như thật rõ biết sự xuất ly hơn thế nữa.

Khi nghe nói như vậy, các du sĩ ngoại đạo ấy ngồi im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sửng sờ, không nói lên lời.

Rồi Gia chủ Anāthapindika, sau khi biết các du sĩ ngoại đạo ấy im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sửng sờ, không nói lên lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Gia chủ Anāthapindika, câu chuyện với các du sĩ ngoại đạo ấy như thế nào, đều thuật lại tất cả cho Thế Tôn rõ.

- "Lành thay, lành thay, này Gia chủ. Như vậy, này Gia chủ, những kẻ ngu si ấy thường cần phải được bác bỏ với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp". Rồi Thế Tôn với một bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Gia chủ Anāthapindika. Rồi Gia chủ Anāthapindika, sau khi được Thế Tôn với bài pháp thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi Thế Tôn, sau khi Gia chủ Anāthapindika ra đi không bao lâu, bảo các vị Tỳ-khưu:

- Tỳ-khưu nào dầu đã được đầy đủ 100 năm an cư mùa mưa trong Pháp và Luật này, vị ấy cần phải như vậy, thường thường bác bỏ các du sĩ ngoại đạo, với sự khéo bác bỏ nhờ Chánh pháp, như Gia chủ Anāthapindika đã khéo bác bỏ.

[Tăng Chi 10.93]

-ooOoo-

5. Thành quả

Nhiều đoạn kinh đề cập đến thành quả của bậc Dự Lưu sau khi chết: Vị ấy không bao giờ tái sinh trong các đọa xứ, mà chỉ tái sinh trong cảnh an lạc của cõi chư Thiên hay loài người. Kinh điển có ghi ba hạng Dự Lưu: Thất sinh, Gia gia, và Nhất chủng.

Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc "Thất sanh", tối đa phải sanh lại bảy lần (sattakkhattuparama). Sau khi sanh lại bảy lần, sau khi dong ruỗi, luân chuyển tối đa bảy lần giữa chư Thiên và loài người, liền đoạn tận khổ đau. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc "Gia gia" (kolankola), dong ruỗi, lưu chuyển trong hai hay ba gia đình, rồi đoạn tận khổ đau. Vị ấy, do đoạn tận ba kiết sử, là bậc "Nhất chủng" (ekabijin), sau khi phải sanh hiện hữu làm người một lần, rồi đoạn tận khổ đau.

[Tăng Chi 3.86]

(Đức Phật nói với ngài Nandaka, đại quan của bộ tộc Licchavi:)

-- "Thành tựu bốn pháp này [*], này Nandaka, vị Thánh đệ tử là bậc Dự lưu, không còn bị thối đọa, quyết chắc chứng quả giác ngộ.

Thành tựu bốn pháp này, này Nandaka, vị Thánh đệ tử liên hệ đến tuổi thọ chư Thiên và loài Người, liên hệ đến dung sắc, liên hệ đến an lạc, liên hệ đến thanh danh, liên hệ đến lực tăng thượng chư Thiên và loài Người.

Điểm này, này Nandaka, Ta biết chứ không phải nhờ nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào rồi Ta tuyên bố. Chính do tự Ta biết, tự Ta thấy, tự Ta ý thức rồi Ta tuyên bố".

Khi được nghe nói vậy, một người thừa với Nandaka, vị đại thần người Licchavi:

-- Thừa Đại quan, nay đã đến giờ tắm.

-- Thôi, nay đã vừa rồi, này Bạn, đó chỉ là sự tắm rửa bề ngoài. Tắm rửa bên trong này là vừa đủ cho ta, tức là lòng tịnh tín đối với Thế Tôn.

[Tương Ưng 55.30]

[*] thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, và thành tựu các Giới.

Kinh điển thường đề cập đến tầm quan trọng của trạng thái tâm trong giây phút trước khi chết, vì có ảnh hưởng đến sự tái sinh. Tuy nhiên, tiềm lực của quả Dự Lưu rất mạnh mẽ và có thể vượt thắng trạng thái mê mờ trước khi chết, để bảo đảm vị ấy tái sinh vào nơi tốt đẹp.

...Rồi họ Thích Mahānāma (Đại Danh) đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, họ Thích Mahānāma bạch Thế Tôn:

-- Kapilavatthu này, bạch Thế Tôn, là phồn vinh, phú cường, dân cư đông đúc, quần chúng khắp nơi chen chúc, chật hẹp. Bạch Thế Tôn, sau khi con hầu hạ Thế Tôn hay các Tỳ-khưu đáng kính, vào buổi chiều, con đi vào Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con gặp con voi cuồng chạy; con gặp con ngựa cuồng chạy; con gặp người cuồng chạy; con gặp cỗ xe lớn cuồng chạy; con gặp cỗ xe nhỏ cuồng chạy. Trong khi ấy, bạch Thế Tôn, tâm con nghĩ đến Phật bị hoang mang, tâm con nghĩ đến Pháp bị hoang mang, tâm con nghĩ đến chúng Tăng bị hoang mang. Rồi bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như sau: "Nếu lúc ấy con mệnh chung, thời sanh thú của con là gì, sanh xứ đời sau chỗ nào?"

-- Chớ có sợ, này Mahānāma! Chớ có sợ, này Mahānāma! Không ác sẽ là cái chết của Ông! Không ác là cái chết của ông! Này Mahānāma, với ai đã lâu ngày tâm tu tập trọn vẹn về tín, tâm tu tập trọn vẹn về giới, tâm tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, dầu thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, hay giả-can ăn, hay các loại chúng sanh sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ, thời tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng.

Ví như, này Mahānāma, một người nhận chìm một ghè sữa bơ, hay một ghè dầu vào trong một hồ nước sâu và đập bể ghè ấy. Ở đây, các mảnh ghè hay mảnh vụn chìm xuống nước; nhưng sữa, bơ hay dầu thời nổi lên, trôi lên trên. Cũng vậy, này Mahānāma, với ai đã lâu ngày, tâm được tu tập trọn vẹn về tín, tâm được tu tập trọn vẹn về giới, tâm được tu tập trọn vẹn về sở văn, tâm được tu tập trọn vẹn về thí xả, tâm được tu tập trọn vẹn về trí tuệ; với người ấy, thân có sắc này, do bốn đại hợp thành, do cha mẹ sanh, do cơm cháo nuôi dưỡng, có bị vô thường phá hoại, phần toái, đoạn tuyệt, đoạn diệt; dầu cho thân này ở đây bị quạ ăn, chim kên ăn, chim ưng ăn, chó ăn, giả-can ăn hay các sanh loại sai khác ăn; nhưng nếu tâm của vị ấy được lâu ngày tu tập trọn vẹn về tín, tu tập trọn vẹn về giới, tu tập trọn vẹn về sở văn, tu tập trọn vẹn về thí xả, tu tập trọn vẹn về trí tuệ; thời tâm của vị ấy thượng thặng, đi đến thù thắng.

[Tương Ưng 55.21]

(Tôn giả Ānanda nói với gia chủ Anāthapindika:)

Thành tựu bốn pháp này [*], này Gia chủ, bậc Đa văn Thánh đệ tử không có run sợ, không có hoảng hốt, không sợ hãi về cái chết, về đời sau.

[Tương Ưng 55.27]

[*] thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, và thành tựu các Giới.

Lại nữa, này Bà-la-môn, ở đây có hạng người không có nghi ngờ, không có do dự, đi đến kết luận đối với diệu pháp. Rồi một chứng bệnh trầm trọng khởi lên cho người ấy. Người ấy bị cảm thọ bởi chứng bệnh trầm trọng ấy, suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không có nghi ngờ, không có do dự, đi đến kết luận đối với diệu pháp". Người ấy không có sầu muộn, không có than vãn, không có khóc lóc, không có đập ngực, không rơi vào bất tỉnh. Này Bà-la-môn, đây là hạng người bản tánh bị chết, không sợ hãi, không rơi vào run sợ khi nghĩ đến chết.

[Tăng Chi 4.184]

Này các Tỳ-khưu, thật không dễ đếm được số lượng nước trong biển lớn là có bao nhiêu thùng, hay có bao nhiêu trăm thùng, hay có bao nhiêu trăm ngàn thùng. Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng nước lớn tụ tập. Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử thành tựu bốn phước đức [*] sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc này, thật không dễ gì đếm được số lượng phước đức: "Số lượng như thế này là phước đức sung mãn, thiện sung mãn, món ăn cho lạc". Chúng chỉ có thể gọi được là vô số, vô lượng, đại uẩn phước đức.

[Tương Ưng 55.41]

[*] phước đức do thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Phật, đối với Pháp, đối với Tăng, và thành tựu các Giới.

Dầu cho, này các Tỳ-khưu, một vị Chuyển luân vương làm chủ tể và cai trị bốn châu, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, thiên giới, thế giới này, cộng trú với chư Thiên ở cõi Ba mươi ba; tại đây, vị ấy trú trong rừng Nandana, được chúng Thiên nữ đoanh vây, được đầy đủ, được cung cấp, được bao bọc năm thiên dục công đức, nhưng không được đầy đủ bốn pháp; tuy vậy, vị ấy chưa được giải thoát khỏi địa ngục, chưa được giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, chưa giải thoát khỏi ngã quý, và chưa thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ.

Nhưng này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử, dầu muốn sống bằng các miếng ăn khát thực, đắp với y nhiều tấm; vị ấy đầy đủ bốn pháp. Và vị ấy được giải thoát khỏi địa ngục, được

giải thoát khỏi sanh vào loài bàng sanh, được giải thoát khỏi cõi ngạ quỷ, được giải thoát khỏi ác sanh, ác thú, đọa xứ. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tin bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tuệ mình giác hiểu".

Vị ấy thành tựu lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời".

Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiên định.

Vị ấy thành tựu bốn pháp này. Và này các Tỳ-khưu, có sự lợi đặc của bốn châu và sự lợi đặc của bốn pháp. Sự lợi đặc bốn châu không đáng giá một phần mười sáu lợi đặc bốn pháp.

[Tương Ưng 55.1]

Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tối thắng.

[Pháp Cú 178]

Rồi Thế Tôn lấy lên một ít bụi trên đầu móng tay rồi gọi các Tỳ-khưu:

-- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-khưu, cái gì nhiều hơn, một ít bụi này Ta lấy lên trên đầu ngón tay, hay là quả đất lớn này?

-- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là quả đất lớn này. Ít hơn là một ít bụi được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh quả đất lớn với một ít bụi được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay.

-- Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến [*], khổ tàn dư trong tối đa bảy kiếp còn lại quả thật ít hơn, so với toàn bộ khổ uẩn từ trước; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần, có thể sánh bằng khi so sánh với khổ uẩn từ trước.

Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỳ-khưu, là pháp minh kiến; như vậy lợi ích lớn thay là chứng đắc pháp nhãn [*].

[Tương Ưng 13.1]

[*] Đắc quả Dự lưu.

-- Này các Tỳ-khưu, ví như một hồ sen 50 do tuần bề dài, 50 do tuần bề rộng và 50 do tuần bề sâu, nước đầy tràn khiến con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ sen ấy một người lấy nước lên với đầu ngọn cỏ. Các Ông nghĩ thế nào? Này các Tỳ-khưu, cái nào nhiều hơn, nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ, hay nước của hồ sen?

-- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước của hồ sen; ít hơn là nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ, không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần, có thể sánh bằng khi so sánh nước của hồ sen với nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ.

-- Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, khổ tàn dư trong tối đa bảy kiếp còn lại quả thật ít hơn, so với toàn bộ khổ uẩn từ trước; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần, có thể sánh bằng khi so sánh với khổ uẩn từ trước.

Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỳ-khưu, là pháp minh kiến; như vậy lợi ích lớn thay là chứng đắc pháp nhãn.

[Tương Ưng 13.2]

-- Ví như, này các Tỳ-khưu, biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, trừ hai hay ba giọt nước. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-khưu? Cái gì là nhiều hơn, nước biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận, hay là hai hay ba giọt nước còn lại?

-- Chính cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là nước của biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận. Ít hơn là hai hay ba giọt nước còn lại. Không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần có thể sánh bằng, khi so sánh nước của biển lớn đi đến đoạn tận, diệt tận với hai hay ba giọt nước còn lại.

-- Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, đối với vị Thánh đệ tử đã chứng được kiến cụ túc, đối với người đã chứng được minh kiến, khổ tàn dư trong tối đa bảy kiếp còn lại quả thật ít hơn, so với toàn bộ khổ uẩn từ trước; không phải một trăm lần, không phải một ngàn lần, không phải một trăm ngàn lần, có thể sánh bằng khi so sánh với khổ uẩn từ trước.

Như vậy lợi ích lớn thay, này các Tỳ-khưu, là pháp minh kiến; như vậy lợi ích lớn thay là chứng đắc pháp nhãn.

[Tương Ưng 13.8]

Không phải các thành quả của bậc Dự Lưu chỉ xảy ra sau khi chết. Ngay trong hiện tiền, vị ấy cũng hưởng được nhiều lợi lạc.

Bấy giờ có Gia chủ Anāthapindika đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Gia chủ Anāthapindika đang ngồi xuống một bên:

-- Này Gia chủ, khi nào vị Thánh đệ tử làm cho lắng dịu năm sợ hãi hận thù, thành tựu bốn chi phần Dự lưu, khéo thấy, khéo thể nhập Thánh lý với trí tuệ; nếu vị ấy muốn, có thể tự trả lời với mình rằng: "Ta đã đoạn tận địa ngục; ta đã đoạn tận bàng sanh; ta đã đoạn tận ngã quỷ; Ta đã đoạn tận các cõi dữ, ác thú, đọa xứ; ta đã chứng Dự lưu, không còn bị đọa lạc, quyết chắc chứng đạt cứu cánh giác ngộ." Thế nào là năm sợ hãi hận thù được làm cho lắng dịu?

Này Gia chủ, sát sanh, do duyên sát sanh tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, không tạo ra sợ hãi hận thù trong hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay trong tương lai, không khiến tâm cảm thọ khổ ưu. Người từ bỏ sát sanh, làm lắng dịu sợ hãi hận thù này.

Này Gia chủ, lấy của không cho... tà hạnh trong các dục... nói láo... đắm say trong rượu men, rượu nấu; do duyên đắm say trong rượu men, rượu nấu, tạo ra sợ hãi hận thù ngay

trong hiện tại, tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, khiến cảm thọ khổ ưu về tâm. Người từ bỏ đắm say trong rượu men, rượu nấu, không tạo ra sợ hãi hận thù ngay hiện tại, không tạo ra sợ hãi hận thù trong tương lai, không khiến cảm thọ khổ ưu về tâm. Với người từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù này được lắng dịu.

Năm sợ hãi hận thù này được lắng dịu.

[Tăng Chi 10.92]

Này các Tỳ-khưu, có năm lợi ích này cho thiện nam tử có lòng tin. Thế nào là năm?

Các Thiện nhân, các Chân nhân, trước hết có lòng thương tưởng đến vị có lòng tin, không có như vậy đối với vị không có lòng tin; khi đến thăm, trước hết họ đến thăm vị có lòng tin, không có như vậy đối với vị không có lòng tin; khi chấp nhận, họ chấp nhận các món ăn trước hết từ những người có lòng tin, không từ những người không có lòng tin; họ thuyết pháp trước hết cho những người có lòng tin, không cho những người không có lòng tin; người có lòng tin, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên cõi lành, cõi Trời. Những pháp này, này các Tỳ-khưu, là năm lợi ích cho thiện nam tử có lòng tin.

Ví như, này các Tỳ-khưu, trên khoảnh đất tốt, tại ngã tư đường, có cây bàng to lớn là chỗ nương tựa cho các loài chim chung quanh. Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, thiện nam tử có lòng tin là chỗ nương tựa cho quần chúng, cho các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, cho nam cư sĩ và cho nữ cư sĩ.

Như cây bàng to lớn,
Với cành, lá, trái cây,
Với thân, rễ, đầy trái,
Làm chỗ trú loài chim.
Tại trú xứ thoải mái,
Các con chim làm tổ,
Cần bóng mát, hứng mát,
Cần trái cây, ăn trái.
Cũng vậy, vị tri giới,
Người có lòng tịnh tín,
Khiêm nhường và nhu thuận,
Hiền hòa, lời từ tốn,
Tánh tình thật dịu hiền,

Vị đoạn tham, đoạn sân,
Đoạn si, không lậu hoặc,
Là ruộng phước ở đời.
Họ đến người như vậy,
Họ thuyết pháp, người ấy
Đoạn trừ mọi khổ đau,
Vị ấy ở tại đây,
Hiểu biết Chánh pháp ấy,
Viên bản nhập Niết-bàn,
Hoàn toàn không lậu hoặc.

[Tăng Chi 5.38]

-ooOoo-

6. Lời khuyên

Mặc dù các vị Tỳ-khưu đệ tử đã đạt được quả vị Dự Lưu nhờ các hướng dẫn của Ngài, Đức Phật ngay trong giờ phút cuối cùng còn tại thế vẫn khuyên nhủ các vị đó không nên phóng dật và thỏa mãn với thành quả đã đạt được. Trái lại, các vị ấy cần phải nỗ lực hơn nữa để tiếp tục tiến đến giải thoát tối hậu.

Và này các Tỳ-khưu, thế nào là pháp không phóng dật? Ở đây, này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu. Do vị ấy hộ trì tâm đối với các lậu hoặc và các pháp hữu lậu, nên tin căn được tu tập đi đến viên mãn. ... tấn căn ... niệm căn ... định căn ... tuệ căn được tu tập đi đến viên mãn.

[Tương Ưng 48.56]

-- Này Nandiyā, thế nào là vị Thánh đệ tử trú phóng dật?

Ở đây, này Nandiyā, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Vị ấy thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động đối với Phật, không cố gắng thêm, ban ngày không sống viễn ly, ban đêm không sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống phóng dật như vậy, nên không có hân hoan. Do không có hân hoan, nên không có hỷ. Do không có hỷ, nên không có khinh an. Do không khinh an, nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ, nên không định tĩnh. Do tâm

không định tĩnh, nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ, nên vị ấy được gọi là trú phóng dật.

Lại nữa, này Nandiyā, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". Vị ấy thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, không cố gắng thêm, ban ngày không sống viễn ly, ban đêm không sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống phóng dật như vậy, nên không có hân hoan. Do không có hân hoan, nên không có hỷ. Do không có hỷ, nên không có khinh an. Do không khinh an, nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ, nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ, nên vị ấy được gọi là trú phóng dật.

Lại nữa, này Nandiyā, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trục hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đời tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời". Vị ấy thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, không cố gắng thêm, ban ngày không sống viễn ly, ban đêm không sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống phóng dật như vậy, nên không có hân hoan. Do không có hân hoan, nên không có hỷ. Do không có hỷ, nên không có khinh an. Do không khinh an, nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ, nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ, nên vị ấy được gọi là trú phóng dật.

Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định. Vị này thỏa mãn với những giới được các bậc Thánh ái kính, không cố gắng thêm, ban ngày không sống viễn ly, ban đêm không sống Thiền tịnh. Do vị ấy trú phóng dật như vậy nên không có hân hoan. Do không có hân hoan, nên không có hỷ. Do không có hỷ, nên không có khinh an. Do không có khinh an, nên sống đau khổ. Do tâm đau khổ, nên không định tĩnh. Do tâm không định tĩnh, nên các pháp không hiện rõ. Do các pháp không hiện rõ, nên vị ấy được gọi là trú phóng dật.

-- Này Nandiyā, thế nào là vị Thánh đệ tử trú không phóng dật?

Ở đây, này Nandiyā, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật: "Đây là Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian

Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Vị này không thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động ấy, cố gắng hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật, nên hân hoan khởi. Do vị ấy hân hoan, nên hỷ sanh. Do ý có hỷ, nên thân khinh an. Do thân khinh an, nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc, nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra, vị ấy được gọi là trú không phóng dật.

Lại nữa, này Nandiyā, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với Pháp: "Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có hiệu quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu". Vị này không thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động ấy, cố gắng hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật, nên hân hoan khởi. Do vị ấy hân hoan, nên hỷ sanh. Do ý có hỷ, nên thân khinh an. Do thân khinh an, nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc, nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra, vị ấy được gọi là trú không phóng dật.

Lại nữa, này Nandiyā, vị Thánh đệ tử thành tựu lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng: "Diệu hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chơn chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám chúng. Chúng đệ tử của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng cúng dường, đáng tôn trọng, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời". Vị này không thỏa mãn với lòng tịnh tín bất động ấy, cố gắng hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật, nên hân hoan khởi. Do vị ấy hân hoan, nên hỷ sanh. Do ý có hỷ, nên thân khinh an. Do thân khinh an, nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc, nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra, vị ấy được gọi là trú không phóng dật.

Vị ấy thành tựu các giới được các bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị đâm cắt, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định. Vị ấy không thỏa mãn với các giới được các bậc Thánh ái kính, cố gắng tinh tấn hơn nữa, ban ngày sống viễn ly, ban đêm sống Thiền tịnh. Do vị ấy sống không phóng dật như vậy, hân hoan sanh. Vị ấy có hân hoan, nên hỷ sanh. Do ý có hỷ, nên thân khinh an. Do thân khinh an, nên vị ấy cảm thọ lạc. Do tâm được lạc, nên vị ấy định tĩnh. Do tâm định tĩnh, các pháp được hiện ra. Do các pháp được hiện ra, vị ấy được gọi là trú không phóng dật. Như vậy, này Nandiyā, là vị Thánh đệ tử trú không phóng dật.

[Tương Ưng 55.40]

-- Này Dīghāvu, sau khi Ông đã an trú trong bốn Dự lưu phần này, Ông hãy tu tập thêm sáu minh phần pháp. Ở đây, này Dīghāvu, Ông hãy trú, quán vô thường trong tất cả hành, quán khổ tướng trong vô thường, quán vô ngã tướng trong khổ, quán tướng đoạn tận, quán tướng ly tham, quán tướng đoạn diệt. Như vậy, này Dīghāvu, Ông cần phải học tập.

[Tương Ưng 55.3]

-ooOoo-